

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày

tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/09/2023 hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 239/NQ-HĐND ngày 15/11/2023 của HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 297/NQ-HĐND ngày 31/01/2024 của HĐND tỉnh thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030;

*Căn cứ các Quyết định UBND tỉnh về đề cương và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 số 120/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 28/10/2022; Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 31/12/2023;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 46/TTr-SXD ngày 20/02/2024, Báo cáo số 48/BC-SXD ngày 23/01/2024; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh Khóa XV tại Thông báo số 84/TB-VPUB ngày 01/3/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 (*sau đây gọi là Chương trình*), với những nội dung chính như sau:

**1. Tên Chương trình:** Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030.

### **2. Quan điểm, mục tiêu phát triển**

#### **2.1. Quan điểm**

- Phù hợp với định hướng của hệ thống đô thị quốc gia, phù hợp với sự phân bố của các vùng kinh tế trong tỉnh, phù hợp với cấu trúc chiến lược tổng thể kinh tế xã hội an ninh quốc phòng; nhằm khai thác tối đa các động lực phát triển, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Sơn La có trọng điểm, với định hướng hình thành các đô thị lớn gắn với đường vành đai xanh bảo vệ đô thị, làm hạt nhân thúc đẩy các đô thị khác cùng phát triển. Nâng cấp đô thị theo hướng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu và gia tăng tiện ích, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bản sắc đô thị.

- Xây dựng mô hình phát triển đô thị tỉnh Sơn La hướng tới tiêu chí đô thị bền vững thông minh, đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện phát triển đô thị và nông thôn đồng bộ, giải quyết khắc phục các định hướng còn yếu, thiếu của đô thị, tạo sự liên kết giữa các lĩnh vực, đáp ứng các nhu cầu cơ bản về vật chất, tinh thần của nhân dân; phát triển hài hòa giữa đô thị, nông thôn, con người và thiên nhiên; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng bảo vệ tốt môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái.

- Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với điều kiện của đô thị miền núi, theo yêu cầu khai thác, sử dụng và chương trình phát triển của mỗi đô thị.

- Kết hợp chặt chẽ với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội; đối với các đô thị dọc hàng lang biên giới phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ và giữ vững chủ quyền quốc gia.

## **2.2. Mục tiêu phát triển**

- Sắp xếp lại hệ thống đô thị, tập trung phát triển các đô thị lớn, tạo sức hút lớn làm đầu kéo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng tỉnh Sơn La. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa; phát triển đô thị bền vững, thông minh, tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, giàu bản sắc văn hóa.

- Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn gắn kết chặt chẽ với phát triển của từng vùng, từng địa phương; có tính chất, chức năng, bản sắc nổi bật; bảo đảm phát triển bền vững. Bổ sung thêm tính chất đô thị, giảm bớt tính chất tổng hợp, gia tăng tính chất chuyên ngành đô thị và phát triển theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đô thị tỉnh Sơn La có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, có môi trường và chất lượng sống tốt, có nền kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc; có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước.

- Làm cơ sở để lập chương trình phát triển của từng đô thị, xây dựng đề án đánh giá phân loại, nâng loại đô thị, thành lập cấp hành chính đô thị.

## **3. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển đô thị**

### **3.1. Giai đoạn đến năm 2025**

a) Tỷ lệ đô thị hóa: 20,6%

b) Về hệ thống đô thị toàn tỉnh đến năm 2025 gồm 16 đô thị, cụ thể:

- Một đô thị loại II (01): Thành phố Sơn La.

- Hai đô thị loại IV (02): Đô thị Mộc Châu (*toàn bộ địa giới hành chính huyện Mộc Châu*); thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn.

- Mười ba đô thị loại V (13): Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã (MR); Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên (MR); Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La; Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu (MR); Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (MR); Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên; đô thị Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp; Đô thị Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai (MR); Đô thị Vân Hồ, huyện Vân Hồ; Đô thị Gia Phù, huyện Phù Yên; Đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu; Đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu; Đô thị Chiềng Khương, huyện Sông Mã.

*(Danh mục, lộ trình và kế hoạch thực hiện phân loại đô thị, thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị tại Biểu 01 kèm theo).*

c) Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh: 0,002%.

d) Các chỉ tiêu thống kê phát triển đô thị phần đầu đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển đô thị

- Quy mô dân số đô thị: 287.782 người;

- Quy mô đất dân dụng đô thị: 2.734,7 ha;

- Quy mô đất đơn vị ở trung bình: 1.582,8 ha;
- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch: 94%;
- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: 50%;
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 92,5%;
- Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom: 88%;
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt của các đô thị được thu gom và xử lý: 20 – 25%;
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện: 100%.

### **3.2. Giai đoạn 2026 - 2030**

a) Tỷ lệ đô thị hóa: 25,8%

b) Về hệ thống đô thị toàn tỉnh có 17 đô thị, cụ thể:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Sơn La (MR);

- 06 đô thị loại IV: Đô thị Mộc Châu; Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã; Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn (MR); Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên; thị trấn Ít Ong, huyện Mường La; Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu;

- 10 đô thị loại V: Thị trấn Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai; thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên (MR); Thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp; Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu; Thị trấn Vân Hồ, huyện Vân Hồ; Đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu; Đô thị Gia Phù, huyện Phù Yên; Đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu; Đô thị Chiềng Khương, huyện Sông Mã; đô thị Ngọc Chiến, huyện Mường La.

*(Danh mục, lộ trình và kế hoạch thực hiện phân loại đô thị, thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị tại Biểu 01 kèm theo)*

c) Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh: 0,0026%.

d) Các chỉ tiêu thống kê phát triển đô thị phân đầu đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển đô thị

- Quy mô dân số đô thị: 376.619 người;

- Quy mô đất dân dụng đô thị: 3.578,5 ha;

- Quy mô đất đơn vị ở trung bình: 2.071,7 ha;

- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch: 96%;

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: 60%;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý: 98%;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom: 93%;

- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt của các đô thị được thu gom và xử lý: Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt > 50% đối với đô thị loại II trở lên, >20% đối với đô thị còn lại;

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện: 100%.

**4. Các Chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị:** Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu; đô thị thông minh, tăng trưởng xanh (*nội dung cụ thể về thời gian, nguồn lực, đơn vị chủ trì thực hiện, kết quả cụ thể của các đề án sẽ được cụ thể khi triển khai lập, phê duyệt và thực hiện từng dự án cụ thể*).

*(Danh mục cụ thể tại Biểu số 02 kèm theo)*

**5. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực, giải pháp, danh mục thứ tự ưu tiên và các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công**

**5.1. Các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực, nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công**

*a) Nguồn ngân sách nhà nước*

- Là nguồn vốn có vai trò hết sức quan trọng để đầu tư các công trình thiết yếu, cấp bách, các công trình phục vụ lợi ích cộng đồng mà khu vực tư nhân không đầu tư. Do nguồn vốn ngân sách còn hạn hẹp nên phải đẩy mạnh huy động các nguồn thu vào ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển.

- Tiếp tục thực hiện giải pháp tăng nguồn thu, rà soát lại các nguồn thu trên địa bàn, tập trung khai thác các nguồn thu mới, đặc biệt là thu từ các dự án phát triển quỹ đất, khu đô thị, nhà ở thương mại... để góp phần tăng thu ngân sách. Tăng cường nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với những dự án trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm đầu tư công trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn vay để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

*b) Nguồn vốn nước ngoài*

- Từ các nhà đầu tư chiến lược, đầu tư vào các ngành công nghiệp đặc biệt là những dự án trọng điểm: điện khí, công nghiệp chế biến, chế tạo, ngành dịch vụ logistics và du lịch.

- Thu hút mạnh và có cải tiến mạnh mẽ trong thực hiện các dự án ODA; phối hợp tốt với các bộ, ngành Trung ương đẩy mạnh vận động các đối tác, các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình lớn về giao thông, cấp thoát nước, nước sạch vệ sinh môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

*c) Nguồn lực ngoài Nhà nước*

- Tiếp tục thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; nguồn lực từ khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế khác để xây dựng hệ thống hạ

tăng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Ưu tiên thu hút các nguồn lực của xã hội phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các ngành mũi nhọn và công trình trọng điểm của Tỉnh, các dự án lớn mang tính liên kết vùng. Sử dụng hợp lý nguồn vốn Nhà nước trong việc tham gia các dự án PPP nhằm đảm bảo độ tin cậy, chia sẻ rủi ro trong đầu tư phát triển và kinh doanh các công trình dự án PPP.

- Đầu tư vào các hoạt động du lịch, thương mại, dịch vụ, phát triển các khu đô thị, sản xuất nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư sớm xây dựng và đưa vào khai thác các dự án lớn, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: các nhà máy trong khu kinh tế, khu công nghiệp; dự án du lịch nghỉ dưỡng sinh thái; sân golf; các dự án cơ sở lưu trú, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, nhà ở thương mại...

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, triển khai có hiệu quả phương thức “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” để thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, bê tông hoá đường giao thông nông thôn, thực hiện xã hội hoá các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá và thể dục thể thao. Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn để vừa tạo sức mạnh tổng hợp, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

## **5.2. Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn**

Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện khoảng 431.997 tỷ đồng (*Bốn trăm ba mươi một nghìn chín trăm chín mươi bảy tỷ đồng*). Trong đó:

a) Giai đoạn đến năm 2025, dự kiến khoảng 191.997 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn ngân sách Trung ương khoảng: 22.430 tỷ đồng;
- Nguồn ngân sách địa phương khoảng: 87.126 tỷ đồng;
- Nguồn vốn hợp pháp khác khoảng: 82.441 tỷ đồng.

b) Giai đoạn đến năm 2030, dự kiến khoảng 240.000 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn ngân sách Trung ương khoảng: 32.500 tỷ đồng;
- Nguồn ngân sách địa phương khoảng: 105.000 tỷ đồng;
- Nguồn vốn hợp pháp khác khoảng: 102.500 tỷ đồng.

*(Tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án sẽ được tính toán và xác định cụ thể trong từng giai đoạn tùy vào khả năng huy động nguồn vốn, số liệu này không dùng để công bố phục vụ các nội dung khác ngoài Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030).*

**5.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư:** Chi tiết tại các Biểu số 03, Biểu số 04, Biểu số 05 kèm theo.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Xây dựng**

- Chủ trì, tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 và các tài liệu kèm theo; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và đề

xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; định kỳ rà soát, tham mưu báo cáo UBND tỉnh đánh giá việc thực hiện sau từng giai đoạn 05 năm hoặc trong trường hợp các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị cấp cao hơn được điều chỉnh.

- Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; hướng dẫn các địa phương lập Chương trình phát triển đô thị của từng đô thị; lập Đề án phân loại đô thị đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Tổ chức lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**2. Các sở, ban, ngành có liên quan:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) xem xét, chỉ đạo.

### **3. UBND các huyện, thành phố**

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh đảm bảo nội dung theo Quyết định này. Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

- Tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị từng đô thị; tập trung nguồn lực, tổ chức triển khai các chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực từng giai đoạn và hàng năm.

- Chủ trì xây dựng Đề án phân loại đô thị đảm bảo theo quy định, quy hoạch và định hướng phát triển đô thị.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá hiện trạng đô thị, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị về Sở Xây dựng để tổng hợp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; CVCK);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Giang18b.

**Hoàng Quốc Khánh**

**Biểu số 01**

**DANH MỤC, LỘ TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ;  
THÀNH LẬP, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Sơn La)*

TT	Tên đô thị	Danh mục phân loại đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 và giai đoạn 2031-2050			
		Hiện trạng 2020	Đến năm 2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2050
<b>I</b>	<b>Các đô thị hiện hữu và dự kiến trong giai đoạn đến 2030 phát triển mở rộng theo các quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (MR)</b>				
1	Thành phố Sơn La (MR)	II	II	II	TP - I
2	Đô thị Mộc Châu ( <i>toàn bộ địa giới hành chính huyện Mộc Châu</i> )	IV	IV	IV	TP - II
3	TT. Hát Lót, huyện huyện Mai Sơn (MR)	IV	IV	IV	TX - III
4	TT. Sông Mã, huyện Sông Mã (MR)	V	V	IV	III
5	TT. Phù Yên, huyện Phù Yên (MR)	V	V	IV	III
6	TT. Ít Ong, huyện Mường La	V	V	IV	III
7	TT. Thuận Châu, huyện Thuận Châu (MR)	V	V	IV	III
8	TT. Bắc Yên, huyện Bắc Yên (MR)	V	V	V	IV
9	TT. Yên Châu, huyện Yên Châu (MR)	V	V	V	IV
10	ĐT. Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp (MR)	-	V	V	IV
11	ĐT Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai (MR)	-	V	V	IV
<b>II</b>	<b>Các đô thị hình thành mới</b>				
12	ĐT. Vân Hồ, huyện Vân Hồ	-	V	V	IV
13	ĐT. Gia Phù, huyện Phù Yên	-	V	V	IV
14	ĐT. Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	-	V	V	IV
15	ĐT. Tông Lạnh, H. Thuận Châu	-	V	V	IV
16	ĐT. Chiềng Khương, huyện Sông Mã	-	V	V	IV
17	ĐT Ngọc Chiến, huyện Mường La	-	-	V	IV
<b>II</b>	<b>Các đô thị hình thành mới giai đoạn 2031-2050</b>				
18	ĐT. Mường Bú, huyện Mường La	-	-	-	V
19	ĐT Chiềng Yên, huyện Vân Hồ	-	-	-	V
20	ĐT Tô Múa, huyện Vân Hồ	-	-	-	V
21	ĐT Co Mạ, huyện Thuận Châu	-	-	-	V
22	ĐT Phổng Lái, huyện Thuận Châu	-	-	-	V
23	ĐT Mường Lầm, huyện Sông Mã	-	-	-	V
24	ĐT Mường Cơi, huyện Phù Yên	-	-	-	V
25	ĐT Chiềng Mai, huyện Mai Sơn	-	-	-	V
<b>Tổng số đô thị nâng loại giai đoạn 2031 - 2050</b>					<b>25</b>

*Ghi chú: Nội dung định hướng nâng cấp đô thị thuộc bảng thống kê nêu trên sẽ được định kỳ xem xét, điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu, điều kiện, tình hình phát triển đô thị của tỉnh và kế hoạch, chương trình phát*



triển đô thị quốc gia. Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị.

**Bảng 1.1. Đề xuất lộ trình nâng loại hệ thống đô thị đến năm 2025**

TT	Tên đô thị	Nội dung công việc	Năm thực hiện	Dự kiến kinh phí (tr.đ)	Quyết định phê duyệt QHC
1	<b>Đô thị Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp (MR) (loại V)</b>	a/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Sốp Cộp - huyện Sốp Cộp đến năm 2025.	2024	825	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/1/2023
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị.	2024-2025	2.500	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị đô thị Sốp Cộp - huyện Sốp Cộp đến năm 2040.	2024	420	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận khu vực đô thị Sốp Cộp đạt tiêu chí đô thị loại V.	2025	320	
2	<b>Đô thị Vân Hồ - Huyện Vân Hồ (loại V)</b>	a/ Lập chương trình phát triển đô thị Vân Hồ	2024	420	
		b/ Lập quy hoạch phân khu đô thị: Phân khu 1, phân khu 4: 2023-2024; phân khu 5.	2024-2025	2.500	
		c/ Lập các quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị.	2024-2025	1.500	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận khu vực đô thị Vân Hồ đạt tiêu chí đô thị loại V.	2024-2025	320	
3	<b>Đô thị Gia Phù, huyện Phù Yên (loại V)</b>	a/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Đô thị Gia Phù, huyện Phù Yên đến năm 2040	2024	235	Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 08/11/2021
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị Gia Phù.	2024-2025	2.082	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Gia Phù, huyện Phù Yên đạt tiêu chí đô thị loại V.	2024	400	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận khu vực đô thị Gia Phù đạt tiêu chí đô thị loại V.	2025	320	
4	<b>Đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu</b>	a/ Lập quy hoạch chung và quy chế quản lý kiến trúc đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu (nếu cần)	2024	2.410	
		b/ Lập và phê duyệt các QHPK đô	2024-2025	2.082	

	<b>Châu (loại V)</b>	thị đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu			
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.	2024	380	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	320	
5	<b>Đô thị Chiềng Khương, huyện Sông Mã (loại V)</b>	a/ Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị Chiềng Khương, huyện Sông Mã	2024	856	Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
		b/ Lập và phê duyệt các QHPK trúc đô thị Chiềng Khương, huyện Sông Mã	2024-2025	5.700	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Chiềng Khương, huyện Sông Mã đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.	2024	700	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Khương, huyện Sông Mã đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	320	
6	<b>Đô thị Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai (loại V)</b>	a/ Lập Quy hoạch chung và quy chế quản lý kiến trúc đô thị Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai	2024	4.109	
		b/ Lập và phê duyệt các QHPK trúc đô thị Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai	2024	5.700	
		c/ Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai đạt tiêu chí đô thị loại V	2024	320	
		d/ Lập chương trình phát triển đô thị Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.	2024	450	
7	<b>Đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu (MR) (loại V)</b>	a/ Lập Quy hoạch chung và quy chế quản lý kiến trúc đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	2024	4.109	
		b/ Lập và phê duyệt các QHPK trúc đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	2025	5.700	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.	2024	450	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu đạt tiêu chí đô thị loại V	2025	320	
	<b>Đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu</b>	a/ Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040.	2024	1.226	Đang trình Bộ Xây dựng thẩm định QHC

8	<b>Châu (loại IV)</b>	b/ Lập và phê duyệt các QHPK đô thị Mộc Châu	2024-2025	5.700	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo tiêu chuẩn đô thị loại III.	2024		
		d/ Lập đề án nâng loại đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo tiêu chuẩn đô thị loại IV	2024	700	
		e/ Lập đề án thành lập thị xã Mộc Châu	2025	500	
9	<b>Thị trấn Thuận Châu - Huyện Thuận Châu(MR) (loại V)</b>	a/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Thuận Châu - Huyện Thuận Châu đến năm 2040.	2024	546	Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 09/6/2023
		b/ Lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Thuận Châu - Huyện Thuận Châu đạt tiêu chí đô thị loại V.	2024	770	
		c/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị Thuận Châu.	2024-2025	2.350	
		d/ Lập chương trình phát triển đô thị Thuận Châu - Huyện Thuận Châu đạt tiêu chí đô thị loại V.	2025	390	
10	<b>Thị trấn Phù Yên - Huyện Phù Yên(MR) (loại V)</b>	a/ Lập Quy hoạch chung và quy chế quản lý kiến trúc đô thị đô thị Phù Yên đến năm 2040.	2024	1.250	Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 (Nhiệm vụ QHC)
		b/ Lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Phù Yên đạt tiêu chí đô thị loại V.	2024	770	
		c/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị Phù Yên.	2024-2025	412,8	
		d/ Lập chương trình phát triển đô thị Phù Yên, huyện Phù Yên theo tiêu chuẩn đô thị loại V	2024	350	
11	<b>Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (MR) (loại V)</b>	a/ Lập Quy hoạch chung và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Yên Châu	2024	1.200	Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 (Chủ trương QHC)
		b/ Lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Yên Châu MR đạt tiêu chí đô thị loại V	2024	770	
		c/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị thị trấn Yên Châu.	2024-2025	2.190	

		d/ Lập chương trình phát triển đô thị Yên Châu, huyện Yên Châu đến năm 2040	2025	610	
12	<b>Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã (loại V)</b>	a/ Lập đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã đạt tiêu chí đô thị loại V.	2024	770	

**Bảng 1.2. Đề xuất lộ trình nâng loại hệ thống đô thị giai đoạn 2026-2030**

TT	Tên đô thị	Nội dung công việc	Năm thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	<b>Thị trấn Thuận Châu - Huyện Thuận Châu(MR) (loại IV)</b>	a/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Thuận Châu - Huyện Thuận Châu đến năm 2040.	2024-2025	546	Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 09/6/2023
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị Thuận Châu.	2025-2027	2.350	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Thuận Châu - Huyện Thuận Châu đạt tiêu chí đô thị loại IV.	2025-2026	390	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Thuận Châu - Huyện Thuận Châu đạt tiêu chí đô thị loại IV.	2027-2028	770	
2	<b>Thị trấn Phù Yên - Huyện Phù Yên(MR) (loại IV)</b>	a/ Lập Quy hoạch chung và quy chế quản lý kiến trúc đô thị Phù Yên đến năm 2035.	2024-2025	1.250	Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 (Nhiệm vụ QHC)
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị Phù Yên.	2025-2026	412,8	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Phù Yên, huyện Phù Yên theo tiêu chuẩn đô thị loại IV	2025-2026	350	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Phù Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV.	2026-2027	770	
	<b>Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La (loại IV)</b>	a/ Lập điều chỉnh QHC xây dựng, Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Ít Ong đến năm 2040.	2026-2027	3.114	
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị đô thị Ít Ong.	2027-2028	2.350	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Ít Ong, huyện	2025-2026	350	

3		Mường La theo tiêu chuẩn đô thị loại IV			
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Ít Ong, huyện Mường La đạt tiêu chí đô thị loại IV.	2026-2027	770	
4	<b>Đô thị Ngọc Chiến Huyện Mường La (loại V)</b>	a/ Lập QHC xây dựng Đô thị, Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Ngọc Chiến, huyện Mường La đến năm 2040.	2027-2028	4.200	Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 (Nhiệm vụ QHC)
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị Đô thị Ngọc Chiến.	2028-2029	3.190	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Đô thị Ngọc Chiến Huyện Mường La đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.	2028-2029	610	
		d/ Lập đề án đề nghị công nhận khu vực Đô thị Ngọc Chiến Huyện Mường La đạt tiêu chí đô thị loại V.	2029-2030	320	
5	<b>Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã (MR) (loại IV)</b>	a/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn sông Mã.	2024-2025	1.200	Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 6/02/2023
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị thị trấn sông Mã.	2024-2025	2.190	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Sông Mã - huyện Sông Mã đến năm 2040	2025-2026	610	
6	<b>Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn (MR) (loại V)</b>	a/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Hát Lót.	2024-2025	1.200	Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 25/07/2019
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị thị trấn Hát Lót.	2025-2026	2.190	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Hát Lót huyện Mai Sơn đến năm 2040	2027	610	

7	<b>Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên (MR) (loại V)</b>	a/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Bắc Yên.	2024-2025	1.200	Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 06/10/2023
		b/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị thị trấn Bắc Yên..	2025-2026	2.190	
		c/ Lập chương trình phát triển đô thị Bắc Yên, huyện Bắc Yên đến năm 2040	2027	610	
8	<b>Thành phố Sơn La</b>	a/ Lập chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La.	2023-2024	610	
		b/ Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Sơn La.	2024-2025	1.200	Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 24/5/2022
		c/ Lập và phê duyệt QHCT 1/500 khu trung tâm và các khu chức năng đô thị thành phố Sơn La.	2025-2026	2.190	

**Biểu số 02**  
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM**  
**ĐỂ TỪNG BƯỚC THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Sơn La)*

TT	NỘI DUNG	CÁC CHƯƠNG TRÌNH
<b>1</b>	<b>Các chương trình, đề án hạ tầng kỹ thuật khung cấp quốc gia</b>	1.1. Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc CT03
		1.2. Đầu tư nâng cấp cảng hàng không Nà Sản
<b>2</b>	<b>Các chương trình, đề án cấp tỉnh</b>	
2.1.	Phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp	- KCN Mai Sơn, KCN Vân Hồ, tập trung xây dựng hạ tầng KCN Vân Hồ;
		- Thành lập hai khu kinh tế Lóng Sập và Chiềng Khương
2.2	Phát triển nông nghiệp	- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, gắn với đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và các chính sách hỗ trợ của Trung ương cho các khu vực khó khăn trong Tỉnh.
		- Phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung phục vụ các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh Sơn La: Vùng trồng sắn, mía, rau các loại, cà phê, chè, vùng trồng cây ăn quả (nhãn, xoài, cây có múi, dứa...), vùng nuôi bò sữa, vùng chăn nuôi gia súc (trâu, bò thịt, lợn thịt), vùng chăn nuôi gia cầm (gà, thủy cầm).
		- Xây dựng và hình thành 01 khu, 25 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
2.3	Phát triển du lịch bền vững	- Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, khu du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La, Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, Đền thờ Vua Lê Thái Tông, Thiên đường săn mây Tà Xùa; Đồi Chè Mộc Sương; Ngã ba Cò Nòi, Thác Dải Yếm; Cảnh đồng Mường Tấc, Hồng Ngải - Hang A Phủ. Rừng Thông Bản Áng; Hang Dơi, Khu du lịch đèo Pha Đin.
		- Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu
		- Khu du lịch lòng hồ Sông Đà
2.4	Phát triển đô thị nông thôn bền vững	- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng các đô thị theo hướng hình thành các đô thị lớn, có mối liên kết mạnh với nhau; nhằm đẩy mạnh đô thị hóa.
		- Phát triển các đô thị trọng điểm như: Thành phố Sơn La trở thành đô thị xanh, đô thị thông



		<p>minh và hướng tới đạt các tiêu chí đô thị loại I sau 2030.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển xây dựng nông thôn mới, kiểu mẫu gắn với đô thị hóa nông thôn và các chương trình giảm nghèo, chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</li> </ul>
2.5	Phát triển khoa học công nghệ và đô thị thông minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Đề án khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030; Thực hiện “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021 - 2030.</li> <li>- Thực hiện đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2030" của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La.</li> <li>- Thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La Giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030.</li> </ul>
2.6	Phát triển đô thị thông minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình Trung tâm điều hành đô thị thông minh.</li> <li>- Quy hoạch, xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị thông minh.</li> <li>- Xây dựng nền tảng đô thị thông minh (SCP).</li> <li>- Xây dựng hệ sinh thái y tế thông minh.</li> <li>- Xây dựng hệ sinh thái giáo dục thông minh.</li> <li>- Xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh.</li> <li>- Phát triển các dịch vụ giao thông thông minh.</li> <li>- Phát triển các dịch vụ môi trường thông minh.</li> <li>- Phát triển dịch vụ nông nghiệp thông minh</li> <li>- Thực hiện việc số hóa; liên kết, liên thông các hệ thống thông tin.</li> <li>- Xây dựng phương án thu hút doanh nghiệp tham gia vào hoạt động phát triển dịch vụ đô thị thông minh.</li> <li>- Đánh giá tổng kết mô hình thí điểm giai đoạn 2020 - 2022, làm rõ giải pháp, cụ thể mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ hướng xây dựng dịch vụ đô thị thông minh đến năm 2025.</li> </ul>
2.7	Chương trình phát triển đô thị xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giai đoạn 2021 – 2025: Hoàn thành rà soát, điều chỉnh các định hướng, chiến lược và quy hoạch đô thị, quy hoạch một số lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị lớn, lồng ghép mục tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu.</li> <li>- Giai đoạn 2026 – 2030: Hoàn thành việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu trong các quy hoạch chung đô thị được duyệt mới.</li> </ul>

2.8	Chương trình phát triển hạ tầng số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến năm 2030 định hướng đến năm 2050 nhằm tạo điều kiện phát triển hạ tầng số và tổ chức triển khai việc thực hiện phát triển hạ tầng số theo hướng hạ tầng phải đi trước, đi nhanh.</li> <li>- Xây dựng quy định ưu tiên ứng dụng Cloud trong triển khai các hệ thống thông tin của tỉnh</li> </ul>
-----	------------------------------------	---

**Biểu số 03**  
**DANH MỤC ƯU TIÊN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Sơn La)*

TT	Tên dự án	Quy mô dự án (ha)	Dự kiến nguồn vốn
<b>I. CÁC DỰ ÁN KHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>			
<b>Các dự án công trình giao thông</b>			
<b>Danh mục dự án đang thực hiện</b>			
1	Hệ thống đường giao thông lô 1 & 2 khu đô thị mới dọc suối Nậm La	-	Ngân sách Trung ương
2	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh	-	Ngân sách địa phương (thành phố)
3	Đường từ QL6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Công, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	-	Ngân sách địa phương (tỉnh)
4	Cải tạo tuyến đường từ ngã ba QL43 đến bản Lùn, xã Mường Sang	-	Ngân sách địa phương (tỉnh)
5	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn nông trường Mộc Châu	-	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
6	Đường từ QL43 đi khu dân cư và khu dân sản xuất bản Là Ngà 2, xã Mường San	-	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông trục chính từ ngã ba chợ trung tâm thị trấn Mộc Châu đến khu du lịch rừng thông bản Áng, xã Đông Sang	-	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>Danh mục dự án mới</b>			
1	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La	31km, 4 làn xe	Ngân sách Trung ương
2	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.101	72,5km; cấp V-III 2 làn xe	Ngân sách Trung ương

3	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.101B	48km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
4	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.101C	25km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
5	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.102	42 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
6	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.103	32,0 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
7	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.103B	13,0 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
8	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.104	61 km; cấp V-III, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
9	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.105	38 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
10	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.105B	56 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
11	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.106	54,7 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
12	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.107	23,9 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
13	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.107B	52 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
14	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.107C	23,7 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
15	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.107D	20 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
16	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.108	68 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
17	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.108B	30 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
18	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.109	36 km; cấp IV, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
19	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.110	38,4 km; cấp IV, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
20	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.110B	22 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
21	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.110C	29,5 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
22	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.111	83,2 km; cấp IV, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
23	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.112	46,5 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương

24	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.113	46,5 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
25	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.114	79,5 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
26	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.115	40,0 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
27	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.116	38,8 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
28	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.116B	26,3 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
29	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.117	77 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
30	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.117B	61,0 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
31	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.117C	63,4 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
32	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.118	47 km; cấp III, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
33	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.119	14 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
34	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.120	54 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
35	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.120B	39 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
36	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.120C	32 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
37	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.121	12 km; cấp III, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
38	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.122	120 km; cấp IV, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
39	Xây dựng Đường tỉnh ĐT.123	53,8 km; cấp V, 2 làn xe	Ngân sách Trung ương
40	Cảng hàng không Nà Sản	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
41	Sân bay chuyên dùng Mộc Châu	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
<b>Các dự án cấp nước</b>			
1	Đầu tư xây dựng mạng đường ống vận chuyển kết nối các nhà máy cấp nước trong Tỉnh	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)

2	Cấp nước sinh hoạt cho xã Tà Xùa, Phiêng Ban và các vùng lân cận, huyện Bắc Yên	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>Các dự án thoát nước vệ sinh môi trường</b>			
1	Nghiên cứu xây dựng các trạm xử lý nước thải với dây truyền công nghệ aeroten bùn hoạt tính	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
2	Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị Hát Lót; thị trấn Sông Mã; thị trấn Phù Yên; thị trấn Ít Ong, thị trấn Thuận Châu	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
3	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách ngoài nhà nước
<b>Các dự án cấp điện</b>			
1	Cải tạo và hoàn thiện lưới điện nông thôn tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
2	Cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường ống hiện có nhưng đã xuống cấp	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>Các dự án công trình công cộng đô thị</b>			
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc, khuôn viên cảnh quan và các công trình phụ trợ	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ dự án Trụ sở làm việc HĐND - UBND, UBMTTQ và các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác
3	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xây dựng Trụ sở HĐND, UBND, UBMTTQ và một số sở ngành	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương
4	Trồng cây và chăm sóc cây xanh Khu Trung tâm hành chính và khu Quảng trường	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác
5	Quảng trường Tây Bắc tỉnh Sơn La và các mục phụ trợ	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác

## II. CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG XÃ HỘI

### Các dự án phát triển khu dân cư và khu đô thị mới

1	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư bệnh viện đa khoa Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tuyến đường QL6 (đoạn tránh thành phố Sơn La)	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của các hộ gia đình phạm vi khu tái định cư công viên 26/10	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác
4	Khu dân cư giải trí cao cấp gắn với sân Golf	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương/xã hội hóa
5	Khu dân cư phố núi và biệt thự sinh thái Mộc Châu	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
6	Khu biệt thự và sân golf public Mộc Châu	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
7	Khu dân cư lân cận trung tâm du lịch trọng điểm Mộc Châu	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>Các dự án văn hóa, thể thao du lịch</b>			
1	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
2	Tu bổ khu di tích quốc gia đặc biệt nhà tù Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
3	Dự án trung tâm TDTT tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
4	Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
5	Dự án khu di tích lịch sử Gốc Me - nơi thành lập Chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)

6	Dự án đầu tư xây dựng các nhà văn hoá bản hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất cho các xã chưa đạt tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>Các dự án khoa học công nghệ</b>			
1	Số hoá tạo lập cơ sở dữ liệu hộ tịch tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
2	Hệ thống thông tin tương tác với người dân trong đô thị thông minh tích hợp với chính quyền điện tử tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
3	Nâng cao năng lực sản xuất chương trình và mở rộng vùng phủ sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sơn La	Xác định cụ thể khi lập dự án	Vốn đầu tư công; vốn DN; nguồn hợp pháp khác



**Biểu số 04**  
**DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**  
**(CÁC NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI FDI)**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Sơn La)*

<b>4.1. HUYỆN MỘC CHÂU</b>						
TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Diện tích	Dự kiến tổng vốn đầu tư	Ghi chú
	<b>Huyện Mộc Châu (63 dự án)</b>				<b>15.353.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (12 dự án)</b>				<b>254.000</b>	<b>12</b>
1	Dự án sản xuất rau an toàn chất lượng cao	TT Nông trường, xã: Đông Sang, Chiềng Hắc, Tân Lập, Mường Sang	20.000 tấn/năm	100	5.000	
2	Dự án trồng cây ăn quả ôn đới chất lượng cao	Các xã, thị trấn	Theo quy hoạch được duyệt	100	5.000	
3	Dự án phát triển vùng nguyên liệu cây lâm nghiệp lấy gỗ, tre	Các xã	Theo quy hoạch được duyệt	2000	100.000	
4	Dự án phát triển cây dược liệu (gừng, sa nhân, nghệ, Actisô, bạc hà, giảo cổ lam, xả...) gắn với công nghiệp chế biến	Các xã, thị trấn	1.300 tấn/năm	50	20.000	
5	Dự án trồng nấm cao cấp	02 thị trấn, xã Phiêng Luông	2.000 tấn/năm	2-5	6.000	
6	Trung tâm nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô	Xã: Chiềng Hắc, Đông Sang, Mường Sang, 02 thị trấn	01 triệu cây giống/năm	20	10.000	
7	Cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học)	Xã Chiềng Hắc	100 tấn/ngày hoặc 1.000 tấn/kho	Theo quy hoạch	3.000	

8	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn	Thị trấn Nông Trường, thị trấn Mộc Châu, xã Đông Sang, xã Mường Sang, xã Phiêng Luông.	Đầu tư theo quy hoạch Nông thôn mới, khoảng 400 trđ/xã, với diện tích khoảng 1ha	Theo quy hoạch	10.000	
9	Cơ sở chăn nuôi bò thịt	Xã Lóng Sập, xã Chiềng Khừa	100 con bò thịt trở lên	Theo quy hoạch	30.000	
10	Cơ sở chế biến nông sản	Thị trấn Nông trường	5.000 tấn quả tươi/năm	Theo quy hoạch	15.000	
11	Xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nông lâm nghiệp Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	5	20.000	
12	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Thị trấn Nông Trường, thị trấn Mộc Châu, xã Đông Sang, xã Mường Sang, xã Phiêng Luông, xã Tân Lập.	Đầu tư hệ thống nhà lưới, tưới tự động; hệ thống truy xuất nguồn gốc ...	Theo quy hoạch	30.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (20 dự án)</b>				<b>4.510.000</b>	<b>19</b>
1	Chợ đầu mối nông sản	Huyện Mộc Châu	Chợ loại 2	05	50.000	
2	Trung tâm thương mại Mộc Châu	Trung tâm huyện Mộc Châu	Hạng 3	02	150.000	
3	Trung tâm Logistic	Mộc Châu/Vân Hồ	Hạng II	20	250.000	
4	Phát triển du lịch đỉnh Pha Luông	Xã Chiềng Sơn	Theo nhà đầu tư	200	50.000	
5	Hợp tác phát triển bản văn hoá du lịch cộng đồng bản: Tà Sủ, Dọi, Vật, Áng, Cà Đặc, Tà Phênh, Piềng Sàng, Piềng Lán, tiểu khu Pa Khen	Xã: Đông Sang, Tân Lập, Chiềng Hắc. Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	10ha/01 bản	30.000	
6	Chùa Chiền Viện (Vật Hồng)	Xã Mường Sang	Theo quy hoạch được duyệt	10,6	40.000	

7	Khu du lịch văn hóa tâm linh Trúc lâm Mộc Châu, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	10,35	40.000	
8	Khu trung tâm du lịch sinh thái thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	112	3.800.000	
9	Xây dựng, khai thác các bến xe khách, xe buýt, bến tàu thủy phục vụ du lịch (sông Đà).	Huyện Mộc Châu	Theo nhà đầu tư	Theo quy hoạch	100.000	
10	Tổ hợp Nhà hàng, khách sạn và chăm sóc sức khỏe	Thị trấn nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	2,9	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2022
11	Khu dịch vụ cửa ngõ	Thị trấn nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	3,0	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2022
12	Công viên thung lũng hoa rừng	Xã Phiêng Luông huyện Mộc Châu và xã Chiềng Khoang huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	15,71	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2022
13	Khu dịch vụ du lịch	Xã Phiêng Luông	Theo quy hoạch được duyệt	30,04	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2022
14	Khu resort nghỉ dưỡng	Xã Phiêng Luông	Theo quy hoạch được duyệt	550	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021
15	Công viên chủ đề	Thị trấn nông trường, huyện Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	30	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021

16	Khu vườn thú	Xã Phiêng Luông	Theo quy hoạch được duyệt	40	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021
17	Trung tâm trưng bày sản vật và dịch vụ hỗn hợp	Tiểu khu Chiềng Di, thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	2,6	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 26/10/2021
18	Khu đào tạo và dịch vụ hỗn hợp	Tiểu khu Chiềng Di, thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	5,08	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 26/10/2021
19	Bến xe tiểu khu Vườn Đào	Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường MC	Loại 2	1,6	45.000	
*	<b>Lĩnh vực Công nghiệp (04 dự án)</b>				<b>411.000</b>	<b>4</b>
1	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Thị trấn nông trường MC	100.000 tấn/năm	3	6.000	
2	Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm từ gia súc, gia cầm	Xã Mường Sang, Đông Sang, Phiêng Luông	50 trâu, bò, ngựa; 500 lợn, dê; 2.000 gia cầm/ngày	3	5.000	
3	Nhà máy chế biến chè công nghệ cao	TT Nông trường Mộc Châu	15.000 tấn/năm	20	400.000	
4	Khu dịch vụ logistics cửa khẩu lóng sập	Xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu		10		
*	<b>Lĩnh vực Cấp nước (02 dự án)</b>				<b>108.000</b>	<b>2</b>
1	Dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn	Các xã	Cung cấp nước sạch cho 700-1.000 hộ dân	Theo quy hoạch	100.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước đô thị Chiềng Sơn	Xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	1.300 m3/ngày	Theo quy hoạch	8.000	

*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (26 dự án)</b>				10.070.000	
1	Khu dân cư phố núi và biệt thự sinh thái	Bản Xôm Lôm, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	89	1.500.000	
2	Khu biệt thự và sân golf public	Bản Xôm Lôm, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	99,8	2.500.000	
3	Khu dân cư dịch vụ cửa ngõ	Bản Muống, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	39,91	750.000	
4	Khu dân cư dịch vụ du lịch	Tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	51,75	800.000	
5	Khu dân cư lân cận trung tâm du lịch trọng điểm	Tiểu khu Thảo Nguyên, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	74	1.800.000	
6	Khu dân cư dọc suối Ang	Tiểu khu cấp 3, 70, 40, Bệnh viện 1, 32, Nhà nghỉ thị trấn Nông trường Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	37,93	700.000	
7	Khu dân cư và dịch vụ bản Búa	Bản Búa, xã Đông Sang	Theo quy hoạch được duyệt	21,76	490.000	
8	Khu dân cư tám hai	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	36,42	730.000	

9	Khu dân cư sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí	xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu và xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ.	Khu khách sạn và dân cư dịch vụ, Khu biệt thự núi, resort nghỉ dưỡng	62	800.000	
10	Khu nhà ở lô Lâm Sản tại Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	0,47	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
11	Dự án nhà ở tại lô LDV-6, tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	0,07	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
12	Dự án khách sạn, nhà ở tại lô HH-01, khu TTHC huyện Mộc Châu	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	0,91	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
13	Khu nhà ở, thương mại dịch vụ và khu khách sạn ngã ba Quốc lộ 6 - Quốc lộ 43	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	3,7	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
14	Khu nhà ở Thảo Nguyên 1	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	11,34	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
15	Khu dân cư tiểu khu 40, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Tiểu khu 40, TTNTMC	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	1,25	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019

16	Khu dân cư dịch vụ sân golf	Bản Xồm Lôm, xã Phiêng Luông	Hình thành khu ở cao cấp gắn với khu dịch vụ sân golf	19,7	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020
17	Khu ở số 01 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Tiểu khu 12,13,14 TTMC và Nà Bó 1 xã Mường Sang	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	36,9	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
18	Khu ở số 02 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Bản Nà Bó 2, xã Mường Sang	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	20,06	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
19	Khu ở số 03 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Bản Nà Bó 2, xã Mường Sang, và thị trấn Mộc Châu	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	54	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
20	Khu ở số 04 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Tiểu khu 1, tiểu khu Bản Môn Thị trấn Mộc Châu	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	75	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
21	Khu ở tiểu khu Bó Bun, thị trấn Nông trường Mộc Châu (khu số 05)	Tiểu khu Bó Bun, TTNTMC	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	11,54	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
22	Khu dân cư số 7	Xã Phiêng Luông và xã Vân Hồ,	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới hiện đại, thân thiện môi trường	95	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021

23	Khu dân cư mới kết hợp với du lịch sinh thái tiểu khu 19/5	Tiểu khu 77, xã Phiêng Luông (nay là tiểu khu 19/5, thị trấn nông trường Mộc Châu), huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Xây dựng khu dân cư, dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp, trải nghiệm và dịch vụ thương mại	30,5	388.000	Theo quy hoạch được duyệt
24	Khu dân cư dịch vụ du lịch đồi chè (Khu trường đua ngựa: 60 ha, Khu dân cư Đồi chè, Khu dân cư số 3, một phần của khu dân cư lân cận: 74 ha)	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	Theo quy hoạch được duyệt	239,37	12.000.000	

#### 4.2. HUYỆN VÂN HỒ

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	diện tích	dự kiến tổng vốn đầu tư	Ghi chú
	<b>Huyện Vân Hồ (59 dự án)</b>				<b>33.466.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (12 dự án)</b>				<b>333.000</b>	
1	Trồng cây dược liệu dưới tán rừng	Các xã: Xuân Nha, Tân Xuân, Chiềng Xuân	100	150	3.000	
2	Phát triển trang trại chăn nuôi đại gia súc	Xã Chiềng Khoa, Song Khủa, Liên Hòa	1000	300	10.000	
3	Đầu tư phát triển mô hình trồng Dưa lưới, Dâu tây công nghệ cao kết hợp du lịch	Xã Vân Hồ	5ha	5,0	5.000	



4	Bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật nguy cấp quý hiếm tại hành lang nối liền hai khu bảo tồn Hang Kia – Pà Cò (Hòa Bình) và Xuân Nha (Sơn La)	Các xã: Lóng Luông, Vân Hồ, Xuân Nha	Toàn bộ rừng tự nhiên của 10 bản thuộc 3 xã Lóng Luông (Lũng Xá, Tà Dê, Lóng Luông) Vân Hồ (Hòa Tạt, Bó Nhàng 2, Pa Cốp, Chua Tai) Xuân Nha (Mường An, Nà An, Chiềng Hin)	Bảo tồn 3.500 ha, trồng mới 200 ha	11.000	
5	Bảo tồn và phát triển rừng khu vực xã Suối Bàng, Liên Hòa	Các xã: Suối Bàng, Liên Hòa	Các bản có rừng tự nhiên tại 2 xã: Suối Bàng và Liên Hòa	5.800	4.000	
6	Chăn nuôi bò thịt tập trung	xã Lóng Luông	2.000 con	200	300.000	
7	Dự án khu chăn nuôi tập trung tại các xã	Huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	230		Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 18/06/2021
8	Dự án phát triển vùng nguyên liệu măng tre Bát độ	Xuân Nha, Chiềng Xuân, Tân Xuân	Hình thành vùng phát triển măng tre bát độ tại 03 xã vùng cao biên giới	900 ha	50.000	
9	Dự án nông nghiệp kỹ thuật cao- khu trung tâm trung bày huấn luyện và chia sẻ kinh nghiệm trồng đậu đỏ	xã Lóng Luông	Hình thành vùng trồng đậu đỏ, kết hợp nhà máy chế biến đậu đỏ	100 ha	120.000	
10	Dự án Nông nghiệp công nghệ cao, nông lâm nghiệp và dược liệu bền vững	xã Xuân Nha	Hình thành vùng trồng cây nông nghiệp dược liệu công nghệ cao	298 ha	50.000	

11	Sản xuất giống và trồng rau an toàn Mộc Châu - Vân Hồ	Xã Vân Hồ, Chiềng Khoa, Lóng Luông.	- Rau an toàn (VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự). - Rau ứng dụng công nghệ cao. - Rau hữu cơ.	300 ha	40.000	
12	Trồng và chế biến các sản phẩm từ chè Mộc Châu - Vân Hồ	Xã Vân Hồ, Chiềng Khoa, Tô Múa.	- Chè an toàn (VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự). - Chè ứng dụng công nghệ cao. - Chè hữu cơ.	500 ha	50.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (30 dự án)</b>				<b>7.066.000</b>	<b>30</b>
1	Phát triển du lịch cộng đồng bản Hua Tật	Xã Vân Hồ	Toàn bản	366	200.000	
2	Phát triển du lịch cộng đồng bản Suối Lìn	Xã Vân Hồ	Toàn bản	600	4.400.000	
3	Khu du lịch tâm linh đền Hang Miếng	Xã Quang Minh	Khu vực Đền và dưới bến thuyền, chợ phục vụ du khách	20	2.000.000	
4	Dự án Bảo tồn Hang mộ Tạng Mè	Xã Suối Bàng	Khu vực di tích và khu vực dưới chân núi	30	16.000	
5	Dự án Bến xe trung tâm huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	Phát triển dịch vụ vận chuyển thương mại	1,5	25.000	

6	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bó Nhàng	xã Bó Nhàng, huyện Vân Hồ	Khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng tiêu chuẩn 3 sao trở lên và các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, trung tâm thương mại	1,6	195.000	
7	Chợ trung tâm huyện Vân Hồ	Lô số 31 quy hoạch Khu trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	Chợ loại 2	1,2	130.000	QĐ 1050/QĐ-UBND ngày 23/5/2020 của UBND tỉnh
8	Khu du lịch thương mại	Khu đất giáp tuyến đường 31,5m đầu tuyến đường tiểu khu sao đỏ 1, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	0,6	100.000	
9	Khu vui chơi giải trí trong và ngoài trời	Xã Chiềng Khoa	Theo quy hoạch được duyệt	23,6	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020
10	Khu dịch vụ du lịch	Xã Phiêng Luông	Theo quy hoạch được duyệt	30,04	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020
11	Sân golf	Xã Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	158,9	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021
12	Quần thể du lịch, nghỉ dưỡng, sinh thái và vui chơi giải trí	Xã Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	199,8	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021

13	Công viên chủ đề và du lịch sinh thái	Xã Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	70	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021
14	Dịch vụ cáp treo	Xã Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	60	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021
15	Khu thể thao mạo hiểm	Xã Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	25	Nhà đầu tư đề xuất	Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021
16	Khu du lịch thác Tạt Nàng	Xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	50 ha	Nhà đầu tư đề xuất	Theo quy hoạch chung khu du lịch Quốc gia Mộc Châu
17	Khu du lịch sinh thái Pa Cốp	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	100	Nhà đầu tư đề xuất	Theo quy hoạch chung khu du lịch Quốc gia Mộc Châu
18	Khu du lịch sinh thái thác Chiềng Khoa	xã Chiềng Khoa	Theo quy hoạch được duyệt	400 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
19	Khu dịch vụ, thương mại đồi Hoa Ban	Khu đất đồi Hoa Ban, trung tâm huyện Vân Hồ	Theo chức năng quy hoạch trong đề án quy hoạch đô thị Vân Hồ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1.2 ha	15.000	
20	Xây dựng khu du lịch sinh thái tại xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	Hình thành khu dịch vụ du lịch, khu sinh thái, nghỉ dưỡng	160 ha	350.000	
21	Sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Bon	xã Lóng Luông	Hình thành khu du lịch kết hợp nghỉ dưỡng trải nghiệm nông nghiệp	58 ha	300.000	

22	Khu công viên vui chơi giải trí, du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo tỉnh Sơn La	xã Vân Hồ, Chiềng Xuân, Xuân Nha	Hình thành khu vui chơi giải trí kết hợp trải nghiệm cáp treo	1800 ha	1.900.000	
23	Khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng Chiềng Yên	xã Chiềng Yên	Khai thác phát huy du lịch tại khu vực + Du lịch thác Tạt Nàng + Suối khoáng nóng và kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng	1200 ha	1.200.000	
24	Khu trường quay ngoài trời Vân Hồ	Xã Chiềng Xuân	Hình thành khu trường quay ngoài trời phục vụ cho phát triển du lịch, điện ảnh	800 ha	800.000	
25	Điểm du lịch nghỉ dưỡng tại xã Vân Hồ.	xã Vân Hồ	Hình thành du lịch trải nghiệm nông nghiệp	9 ha	85.000	
26	Khu bảo tồn dược liệu kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Vân Hồ	xã Quang Minh	Hình thành khu bảo tồn, trồng dược liệu kết hợp du lịch nghỉ dưỡng	70 ha	300.000	
27	Tổ hợp khách sạn và trung tâm thương mại dịch vụ	xã Vân Hồ	Theo quy hoạch được phê duyệt	0,5 ha	8.000	
28	Khu tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng cao cấp - sân golf - du lịch cộng đồng Pa Cốp	Xã Vân Hồ	Hình thành khu dịch vụ thể thao, sân golf, khu sinh thái, nghỉ dưỡng	178 ha	880.000	
29	Khu thương mại dịch vụ	Bản Hang Trùng 1, Xã Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	1,5 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
30	Khu du lịch sinh thái thác Tạt Cang	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	25 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
*	<b>Lĩnh vực Cấp nước (01 dự án)</b>				<b>100.000</b>	<b>1</b>

1	Dự án cung cấp nước sạch khu trung tâm hành chính, chính trị huyện và tại địa bàn các xã lân cận	huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được duyệt	Theo quy hoạch	100.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (02 dự án)</b>				<b>2.000.000</b>	<b>1</b>
1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Vân Hồ	xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Diện tích đất thu hút đầu tư và kinh doanh: 148,07 ha	216,6	2.000.000	
2	Cụm công nghiệp Lóng Luông	Bản Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ	Theo quy hoạch được phê duyệt	50 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
*	<b>Kết cấu Hạ tầng (01 dự án)</b>					
1	Bến xe khách trung tâm xã Tô Múa	Xã Tô Múa	Tối thiểu bến xe khách loại 6	Tối thiểu 500 m2	Nhà đầu tư đề xuất	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (13 dự án)</b>					
1	Khu đô thị, du lịch sinh thái Vân Hồ	tiểu khu Sao Đỏ 1, Sao Đỏ 2, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch.	71 ha	3.400.000	
2	Khu dân cư số 1	Xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch.	55	Nhà đầu tư đề xuất	

3	Khu dân cư số 2	Xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch.	73	Nhà đầu tư đề xuất	
4	Khu dân cư số 5	Xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch.	67	Nhà đầu tư đề xuất	
5	Khu biệt thự nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái Đồi mây Vân Hồ	Xã Vân Hồ	Theo Quy hoạch được duyệt	113	Nhà đầu tư đề xuất	
6	Khu nhà ở hỗn hợp và trung tâm thương mại Vân Hồ	Huyện Vân Hồ	Khu nhà ở hỗn hợp, trung tâm thương mại theo quy hoạch được duyệt	3,8	420.000	
7	Khu đô thị sinh thái trị liệu giữa mây trời Vân Hồ	Xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch trị liệu.	170 ha	850.000	
8	Tổ hợp khu đô thị, du lịch sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí	Xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch. Đầu tư khu vui chơi giải trí cao cấp, sân golf 36 lỗ theo quy hoạch phân khu phía Nam Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	327 ha	2.200.000	

9	Khu dân cư sinh thái mới Hua Tật	Xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch; phù hợp với Quy hoạch đô thị Vân Hồ	13 ha	550.000	
10	Khu nhà ở kết hợp nghỉ dưỡng Vân Hồ	Xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch; phù hợp với Quy hoạch đô thị Vân Hồ	60 ha	900.000	
11	Khu dân cư mới	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị	41 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
12	Khu đô thị, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch.	30 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
13	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch bền vững	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ	Hình thành khu ở sinh thái gắn với phát triển đô thị và phát triển du lịch; phù hợp với Quy hoạch đô thị Vân Hồ	6 ha	Nhà đầu tư đề xuất	

#### 4.3. TP SƠN LA

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	diện tích	dự kiến tổng vốn đầu tư	Ghi chú
	<b>TP Sơn La (30 dự án)</b>				<b>12.305.498</b>	
*	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (02 dự án)</b>				<b>50.000</b>	



1	Dự án tiếp nhận chuyển giao công nghệ giống cây trồng Nông nghiệp	Bản Hòm, xã Chiềng Cọ	Sản xuất, cung ứng 200000 cây giống các loại/ năm	12 ha	35.000	
2	Dự án sản xuất rau, quả ứng dụng công nghệ cao	Chiềng Sinh, Chiềng Ngân	Cung cấp 25 tấn rau quả các loại	30 ha	15.000	
*	<b>Lĩnh vực Kết cấu hạ tầng đô thị (02 dự án)</b>					
1	Nhà máy nước sạch và Hệ thống tuyến ống cấp I-II	Bản Mòng, xã Hua La	Công suất 25000-3000m <sup>3</sup> / ngày đêm	1 ha	300.000	
2	Bãi đỗ xe và kho vận (tại các khu vực có điểm đầu nối từ Trung tâm thành phố với đường Quốc lộ 6 và 02 đầu tuyến vào thành phố )	05 điểm tại Chiềng Cọ, Hua La, Chiềng Sinh	phục vụ đỗ trên 20 xe và luân chuyển 100 tấn hàng /ngày đêm	1,5 - 3 ha/điểm	50.000	
*	<b>Lĩnh vực công nghiệp (04 dự án)</b>				<b>397.500</b>	
1	Nhà máy May	Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ	Tạo việc làm cho 150 - 200 lao động . Công suất 1000-1500 sản phẩm / ngày	6-10 ha	200.000	
2	Nhà máy Giấy- Da	Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ	Tạo việc làm cho 500 - 750 lao động. Công suất 1500-2000 sản phẩm / ngày	3 ha	120.000	
3	Dự án sơ chế, chế biến cà phê không gây ô nhiễm môi trường	Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ	Công suất 15.000 tấn/năm (trung bình 40 tấn/ngày)	02 ha	67.500	
4	Giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ	20 trâu bò/ngày; 150 con lợn, dê/ngày; 1000 con gia cầm/ngày; 0,25 ha/điểm	Theo quy hoạch	10.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (10 dự án)</b>				<b>1.401.300</b>	
1	Du lịch sinh thái Hồ bản Mòng	Bản Mòng, xã Hua La	Thu hút 500- 1500 khách du lịch/ ngày	196 ha	350.000	

2	Khu Tổ hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí bản Co Pục, bản Híp	Bản Co Pục, bản Híp, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Thu hút 100-300 lượt khách du lịch/ngày	50 ha	47.000	
3	Trung tâm thương mại phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La	Tổ 12, phường Chiềng Lê	Chuyển đổi mô hình quản lý và khai thác chợ Trung tâm	1- 1,3 ha	120.000	
4	Trung tâm thương mại phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Sinh	Theo quy hoạch được duyệt	1 ha	100.000	
5	Các trung tâm thương mại và cửa hàng tiện ích	Tại 9 phường, xã; mỗi đơn vị từ 01-3 điểm	khoảng 20 điểm	0,015 – 0,05 ha	300.000	
6	Chợ Noong Đúc, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Sinh	Quy mô chợ hạng II và các hạng mục phụ trợ (nhà ki ốt, nhà chợ truyền thống, nhà kho, bãi để xe...)	2,02 ha	94.000	
7	Khu Tổ hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí bản Buôn	Bản Buôn, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Thu hút 100-300 lượt khách du lịch/ngày	5 ha	40.300	
8	Khu du lịch khoáng nóng Bản Mòng, thành phố Sơn La	Bản Mòng, xã Hua La, thành phố Sơn La	Thu hút 500-1500 lượt khách/ngày	30 ha	350.000	
9	Chợ đầu mối nông sản Hua La	Xã Hua La	Theo quy hoạch được phê duyệt	5 - 10 ha	Theo đề xuất nhà đầu tư	
10	Trung tâm điều dưỡng, dưỡng lão	Thành phố Sơn La	Quy mô 200 - 250 người		500.000	
*	<b>Lĩnh vực Môi trường (02 dự án)</b>				<b>650.000</b>	
1	Công viên nghĩa trang tại thành phố Sơn La	Bản Nà Ngần, bản Ka Láp và bản Phường, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Xây dựng Nghĩa trang vĩnh hằng tinh gắn với Lò Hoả táng	120 -180 ha	500.000	

2	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn	Hua La, Chiềng Đen, Chiềng Ngần, Chiềng Cọ, Chiềng Xôm	Theo quy hoạch được duyệt		150.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (01 dự án)</b>				425.000	
1	Cụm Công nghiệp Hoàng Văn Thụ	Bản Hoàng Văn Thụ, xã Hua La, thành phố Sơn La	Hạ tầng xây dựng nhà xưởng 46,2 ha; các khu kỹ thuật 0,6 ha; hạ tầng giao thông - cây xanh 13,2 ha	60 ha	425.000	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (09 dự án)</b>				9.381.698	
1	Khu đô thị đầu tuyến tránh Quốc lộ 6 (thành phố - huyện Mai Sơn)	Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Hình thành khu đô thị mới với quy mô dân số khoảng 3.000 người	35,8 ha	972.698	Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La
2	Khu đô thị Tây Nam thành phố	Xã Hua La, thành phố Sơn La	Hình thành khu đô thị mới với quy mô dân số khoảng 4.000 người	46,21 ha	1.028.000	Công văn số 958-CV/TU ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La
3	Khu đô thị số 2- Hồ Tuổi trẻ	Phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Hình thành khu đô thị mới với quy mô dân số khoảng 1.400 người	7,26 ha	344.000	Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La
4	Khu đô thị mới phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Hình thành khu đô thị mới với quy mô dân số khoảng 900 người	10,72 ha	587.000	Thông báo số 178/TB-VPUB ngày 09/4/2022 của UBND tỉnh Sơn La

5	Khu đô thị Phiêng Khá	Bản Buồn, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Hình thành khu vui chơi giải trí cao cấp và đô thị mới với quy mô dân số khoảng 650 người	28,47 ha	2.450.000	Công văn số 781-CV/TU ngày 04/8/2021 của Tỉnh ủy; Công văn số 2448/UBND-KT ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La
	Khu số 1 (đã GPMB)			19,8 ha	1.800.000	
	Khu số 2 (chưa GPMB)			8,67 ha	650.000	
6	Khu đô thị số 1, Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần	Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Hình thành khu đô thị mới với quy mô dân số khoảng 1.800 người	45 ha	1.200.000	
7	Khu đô thị số 2, Bản Phường, xã Chiềng Ngần	Bản Phường, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Hình thành khu đô thị mới với quy mô dân số khoảng 2.500 người	55 ha	1.350.000	
8	Nhà ở xã hội tại bản Lay và Tổ 5 phường Chiềng Sinh	Bản Lay, tổ 5, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Hình thành khu Nhà ở xã hội với quy mô dân số khoảng 600 người	6,54 ha	350.000	Công văn số 170/UBND-KT ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Sơn La
9	Khu đô thị giải trí cao cấp gắn với sân Golf	Phường Chiềng Sinh	Hình thành khu đô thị, dịch vụ thể thao gắn với sân golf, quy mô dân số khoảng 1.000 người	30 ha	1.100.000	

#### 4.4. HUYỆN MAI SƠN

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	diện tích	dự kiến tổng vốn đầu tư	Ghi chú
	<b>Huyện Mai Sơn (36 dự án)</b>				<b>3.467.500</b>	
*	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (07 dự án)</b>				<b>197.000</b>	
1	Dự án nông nghiệp công nghệ cao	Xã Phiêng Cầm	10ha	10 ha	15.000	

2	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Xã Cò Nòi	30 trâu bò/ngày; 200 con lợn, dê/ngày; 1500 con gia cầm/ngày	5 ha	14.000	
3	Sơ chế, bảo quản nông sản	Thị trấn Hát Lót	1000 tấn quả tươi/kho	0,3 ha	8.000	
4	Cơ sở chế biến cà phê	Huyện Mai Sơn	35.000 tấn/ ngày	10 ha	100.000	
5	Phát triển dược liệu dưới tán rừng	Xã Chiềng Chung	50ha	50ha	60.000	
6	Trung tâm Giống cây trồng Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót	Theo quy hoạch được phê duyệt	15 ha	20.000	
7	Phát triển dược liệu xã Phiêng Cầm	Xã Phiêng Cầm	Theo quy hoạch được phê duyệt	200 ha	50.000	
*	<b>Lĩnh vực công nghiệp (01 dự án)</b>				<b>10.000</b>	
1	Nhà máy bao bì, hộp, vật tư nông nghiệp	Xã Chiềng Mung, xã Hát Lót, xã Cò Nòi	Theo quy hoạch được phê duyệt	1 ha	10.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (14 dự án)</b>				<b>596.500</b>	
1	Chợ đầu mối nông sản	Huyện Mai Sơn	Chợ loại 2	2-3 ha	50.000	
2	Dự án Khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái Hồ Tiên Phong	Xã Hát Lót, Mường Bon	Tổng diện tích 200 ha, trong đó 56 ha diện tích mặt nước	200 ha	150.000	
3	Trung tâm thương mại Mai Sơn	Trung tâm huyện	Hạng 3	01 ha	100.000	
4	Trung tâm Logistic	Huyện Mai Sơn		2-3 ha	150.000	
5	Cửa hàng xăng dầu	Xã Chiềng Nọi	Cây xăng cấp III	0,09 ha	5.000	
6	Cửa hàng xăng dầu	Xã Chiềng Dong	Cây xăng cấp III	0,08 ha	4.000	
7	Cửa hàng xăng dầu	Xã Chiềng Ve	Cây xăng cấp III	0,085 ha	4.500	
8	Cửa hàng xăng dầu	Xã Tà Hộc	Cây xăng cấp III	0,07 ha	3.000	

9	Thu hút 05 điểm trải nghiệm nông nghiệp tại 8 xã	Chiềng Ban, Chiềng Mai, Mường Chanh, Hát Lót, Mường Bon, Cò Nòi, Phiêng Cằm, Nà Bó	15.000 lượt khách/năm	60 ha	36.000	
10	Xây dựng mô hình bán du lịch cộng đồng	Xã Mường Bon		20 ha	50.000	
11	Thu hút nguồn vốn ngoài xã hội lồng ghép đầu tư Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi	Xã Cò Nòi	10,51 ha	10,51 ha	44.000	
12	Khu du lịch Phiêng Cằm	Xã Phiêng Cằm	Theo quy hoạch được phê duyệt	100 ha	500.000	
13	Khu du lịch đèo gió Mường Chanh	Xã Mường Chanh	Theo quy hoạch được phê duyệt	50 ha	300.000	
14	Chợ trung tâm huyện	Thị trấn Hát Lót	Theo quy hoạch được phê duyệt	1,7 ha	70.000	
*	<b>Lĩnh vực Y tế (01 dự án)</b>				<b>250.000</b>	
1	Bệnh viện chất lượng cao	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	200 giường	33,10 ha	250.000	
*	<b>Lĩnh vực Giáo dục (02 dự án)</b>				<b>80.000</b>	
1	Trường dạy nghề chất lượng cao	Tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi		3ha	20.000	
2	Trường Mầm non tư thục, trường Tiểu học, Trung học cơ sở dọc Quốc lộ 6	Dọc trục Quốc lộ 6 trên địa bàn huyện	Theo quy hoạch được duyệt	Theo quy hoạch được duyệt	60.000	
*	<b>Lĩnh vực Môi trường (01 dự án)</b>				<b>250.000</b>	
1	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Mai Sơn	120 tấn/ngày	20 ha	250.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (03 dự án)</b>				<b>1.194.000</b>	

1	Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp	Xã Mường Bon, Mường Bằng	5-6 dự án	30 ha	500.000	
2	Cụm công nghiệp Mường Bon	Bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn		70 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
3	Cụm Công nghiệp Cò Nòi	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn		75 ha	694.000	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (07 dự án)</b>				<b>890.000</b>	
1	Khu đô thị phía Tây thị trấn Hát Lót	Thị trấn Hát Lót	Theo quy hoạch được duyệt	15,6 ha	80.000	
2	Khu đô thị số 1 - Tiểu khu 1,2	Thị trấn Hát Lót	Theo quy hoạch được duyệt	30 ha	150.000	
3	Khu đô thị số 2 - Tiểu khu 1, 2	Thị trấn Hát Lót	Theo quy hoạch được duyệt	50 ha	250.000	
4	Khu đô thị số 3 - Tiểu khu 8	Thị trấn Hát Lót	Theo quy hoạch được duyệt	19,5 ha	110.000	
5	Khu đô thị Tiên Phong 1, xã Hát Lót	Xã Hát Lót	Theo quy hoạch được duyệt	30 ha	150.000	
6	Khu đô thị tiểu khu IV (Trung tâm hành chính cũ)	Thị trấn Hát Lót	Theo quy hoạch được duyệt	20 ha	150.000	
7	Khu nhà ở Mu Kít	Xã Cò Nòi	Theo quy hoạch được phê duyệt	20 ha	150.000	
<b>4.5. HUYỆN YÊN CHÂU</b>						
<b>ST T</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Quy mô</b>	<b>diện tích</b>	<b>dự kiến tổng vốn đầu tư</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Huyện Yên Châu (18 dự án)</b>				<b>1.439.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (03 dự án)</b>				50.000	

1	Nhà máy chế biến Nông sản Nà Phiêng, xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	50.000 tấn/ năm	6,5 ha	30.000	
2	Nhà máy chế biến nông sản xã Tú Nang	Xã Tú Nang, huyện Yên Châu	20.000 tấn/ năm	1,2 ha	15.000	
3	Khu giết mổ gia súc tập trung huyện Yên Châu	Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	10 tấn/ngày	1 ha	5.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (09 dự án)</b>				<b>391.000</b>	
1	Khu du lịch sinh thái Hồ Chiềng Khoi	Xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	3.000 lượt khách/năm	20ha	30.000	
2	Khu du lịch sinh thái Mỏ nước nóng Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	1.500 lượt khách/năm	4ha	15.000	
3	Khu du lịch tâm linh Hang Chi Đáy	Xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	3.000 lượt khách/năm	10ha	30.000	
4	Khu du lịch sinh thái Hồ Mường Lựm	Xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	3.000 lượt khách/năm	98 ha	196.000	
5	Trung bày và giới thiệu nông sản tại khu vực đèo Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	5 ha	10.000	
6	Khu du lịch sinh thái Suối Sập, xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	10 ha	50.000	
7	Khu du lịch sinh thái thác Tà Làng Cao, xã Tú Nang	Xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	10 ha	50.000	
8	Chợ trung tâm xã Tú Nang	Xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	2 ha	10.000	
9	Phát triển du lịch bản Thín Khá	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	20.000 lượt khách/năm	435 ha	400.000	
*	<b>Lĩnh vực Công nghiệp (01 dự án)</b>				400.000	
1	Nhà máy chế biến quả và dược liệu	huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	5-10 ha	400.000	
*	<b>Lĩnh vực cấp nước (02 dự án)</b>				<b>26.000</b>	



1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước đô thị Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	1.350 m3/ngày	0,06	6.000	
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Yên Châu	Huyện Yên Châu	1.500 m3/ngày	Theo quy hoạch được duyệt	20.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (01 dự án)</b>					
1	Cụm công nghiệp Sấp Vạt	Xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	15 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (02 dự án)</b>				<b>572.000</b>	
1	Chỉnh trang đô thị tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, khu dân cư nông thôn mới xã Viêng Lán, huyện Yên Châu.	huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	11,8 ha	542.000	
2	Khu dân cư mới tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	huyện Yên Châu	Theo quy hoạch được duyệt	0,0872 ha	30.000	

#### 4.6. HUYỆN MƯỜNG LA

ST T	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	diện tích	Dự kiến tổng vốn đầu tư	Ghi chú
	<b>Huyện Mường La (33 dự án)</b>				<b>9.055.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực nông nghiệp (15 dự án)</b>				<b>1.295.000</b>	
1	Phát triển dược liệu dưới tán rừng xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	50ha	50	60.000	
2	Dự án trồng cây ăn quả chất lượng cao	Xã Mường Chùm	50ha	50	60.000	
3	Dự án nuôi thủy sản và chế biến cá thương phẩm từ hồ thủy điện Sơn La	Xã Mường Trai-Chiềng Lao	200 - 300 tấn/ năm	2	20.000	

4	Nhà máy chế biến trứng cá tầm gắn với vùng nuôi cá trên lòng hồ thủy điện Sơn La	Mường Trai	50 tấn/năm	1	20.000	
5	Dự án phát triển chăn nuôi bò hữu cơ tập trung	Xã Mường Chùm- Mường Trai	3000 - 5000 con	500	20.000	
6	Dự án thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc (ngô sinh khối) phục vụ phát triển chăn nuôi đại gia súc trong nước và xuất khẩu	Xã Mường Chùm	20.000 tấn/năm	300	20.000	
7	Dự án phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hữu cơ tập trung	Xã Mường Chùm	3000-5000 con/năm	500	20.000	
8	Dự án phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hữu cơ tập trung gắn với du lịch cộng đồng Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	5000-10000 con/năm	500	20.000	
9	Dự án trồng và chế biến các sản phẩm từ cây chuối	Xã Mường Bú	Chuối an toàn (VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự), Chuối hữu cơ	500 ha	200.000	
10	Dự án trồng, chế biến dược liệu dưới tán rừng	Các xã: Ngọc Chiến, Chiềng Công, Chiềng Ân, Chiềng Muôn	Trồng sâm Ngọc Linh, Sâm Hàn Quốc, các cây dược liệu có giá trị kinh tế	100 ha	500.000	
11	Dự án trồng và chế biến các sản phẩm từ quả Sơn tra	Các xã trên địa bàn huyện Mường La	Sơn tra an toàn (VietGAP, GlobalGAP, các tiêu chuẩn tương tự), Sơn tra Hữu cơ	1000 ha	200.000	

12	Dự án trồng tre, trúc, măng tre bát độ	Các xã: Chiềng Lao, Mường Trai, Hua Trai, Pi Toong, Nậm Giôn, thị trấn Ít Ong, Tạ Bú, Chiềng Hoa, Ngọc Chiến, Chiềng Công, Chiềng Ân, Chiềng Muôn	Trồng tre, trúc, măng tra bát độ	500 ha	75.000	
13	Dự án trồng cây gai xanh	Các xã trên địa bàn huyện Mường La	Phát triển vùng nguyên liệu trồng cây gai xanh	10 ha	80.000	
14	Dự án phát triển vùng trồng Xoài ứng dụng công nghệ cao	Xã Mường Bú, Tạ Bú, Mường Chùm	Xoài an toàn (VietGAP, GLocalGAP, các tiêu chuẩn tương tự)	300 ha	90.000	
15	Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản trên lồng hồ thủy điện Nậm Chiến	Xã Ngọc Chiến	500 lồng	50 ha	300.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (06 dự án)</b>				<b>1.800.000</b>	
1	Dự án phát triển du lịch cộng đồng Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến	Phát triển du lịch cộng đồng; trùng tu tôn tạo di tích lịch sử Đồn Mường Chiến, các điểm du lịch tâm linh (nhà thờ Mường Chiến, nhà thờ cây sa mu); mở cửa khai thác du lịch hang Bó Quan và hang Đông Xinh	150	200.000	

2	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến	Hình thành khu vui chơi, nghỉ dưỡng kết hợp phát triển du lịch cộng đồng, hình thành tuyến du lịch kết nối Tây Bắc và Hà Nội	300	1.000.000	
3	Dự án Khai thác du lịch hang Cong Noong và các điểm du lịch lân cận	Thị trấn Ít Ong	Đầu tư hạng mục cơ sở vật chất phục vụ hoạt động du lịch	11	50.000	
4	Dự án phát triển suối khoáng nóng	Thị trấn Ít Ong-Xã Ngọc Chiến	Xây dựng bản du lịch cộng đồng bản Hua Ít; nâng cấp các cơ sở kinh doanh dịch vụ suối khoáng nóng	4	50.000	
5	Dự án phát triển du lịch sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La	Thị trấn Ít Ong	Khai thác các hang động, thác nước khu lòng hồ thủy điện Sơn La; xây dựng bản du lịch cộng đồng tại xã Mường Trai (1 bản), xã Hua Trai (1 bản), xã Chiềng Lao (1 bản); trùng tu tôn tạo di tích lịch sử Pom Đồn, xã Mường Trai	30	500.000	
6	Dự án khu du lịch tâm linh bản Thăm Hon, xã Tạ Bú	Bản Thăm Hon, xã Tạ Bú	1000 lượt khách/năm	03	50.000	
*	<b>Lĩnh vực Giáo dục (01 dự án)</b>				<b>10.000</b>	
1	Trường mầm non tư thục Ít Ong	Thị trấn Ít Ong	04 lớp nhà trẻ, mẫu giáo trở lên	01	10.000	
*	<b>Lĩnh vực Công nghiệp (04 dự án)</b>				<b>90.000</b>	

1	Nhà máy chế biến hoa quả Mường La	Xã Mường Bú - Thị trấn Ít Ong	10000 - 15000 tấn/năm	10 ha	20.000	
2	Nhà máy chế biến cá thương phẩm	Xã Chiềng Lao	200 - 300 tấn/ năm	2 ha	30.000	
3	Nhà máy chế biến lâm sản (gỗ, cây cao su và các loại gỗ rừng trồng sản xuất)	Thị trấn Ít Ong	Khoảng 5000 tấn gỗ/năm	10 ha	20.000	
4	Nhà máy chế biến sâu các sản phẩm từ tinh dầu	Xã Pi Toong	5 - 7 tấn/năm	2 ha	20.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp</b>				<b>430.000</b>	
1	Cụm công nghiệp Mường La	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Theo quy hoạch được duyệt	30 ha	430.000	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (05 dự án)</b>				<b>5.430.000</b>	
1	Khu dân cư mới Hua Nà	Hua Nà, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Theo quy hoạch được duyệt	17,4 ha	710.000	
2	Khu dân cư mới Nà Nong	Nà Nong, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Theo quy hoạch được duyệt	15,6 ha	1.000.000	
3	Khu dân cư mới Nà Tông	Nà Tông, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Theo quy hoạch được duyệt	18,2 ha	620.000	
4	Khu dân cư mới Nà Lo	Nà Lo, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Theo quy hoạch được duyệt	19,14 ha	1.600.000	
5	Nhà ở khu dân cư huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	Theo quy hoạch được duyệt	22,4 ha	1.500.000	
<b>4.7. HUYỆN QUỲNH NHAI</b>						
<b>STT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Quy mô</b>	<b>diện tích</b>	<b>dự kiến tổng vốn đầu tư</b>	<b>Ghi chú</b>

	<b>Huyện Quỳnh Nhai (27 dự án)</b>				<b>6.809.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp (9 dự án)</b>				<b>1.739.000</b>	
1	Dự án trồng cây ăn quả tại các xã	11 xã trên địa bàn huyện	Trồng Dứa, Xoài, Mít ruột đỏ...	2.000,00	320.000	
2	Dự án phát triển chăn nuôi lợn sạch tại Chiềng Khay	Chiềng Khay	4.500 con lợn thịt và 100 con lợn lái	3,00	10.000	
3	Dự án nuôi thủy sản	Mường Giàng, Chiềng Bằng, Chiềng Ôn	400 lồng cá thương phẩm; sản lượng: 10.000 tấn cá/năm; 100 lồng cá giống	500 ha mặt nước; 06 ha đất	150.000	
4	Dự án trồng, bảo quản chế biến quả Mắc Ca	Mường Giôn; Chiềng Khay; Mường Chiên; Cà Nàng; Nậm Êt	Diện tích trồng 760 ha; Diện tích khu sơ chế, chế biến: 30 ha	790,00	300.000	
5	Dự án trồng, bảo quản chế biến sản phẩm từ cây Quế, Sâm, Sa nhân và cây dược liệu khác	Mường Giôn, Chiềng Khay, Nậm Êt, Mường Sại, Mường Giàng, Chiềng Khoang	300 ha Quế; 200 ha Sa nhân; 200 ha Sâm; 100 ha cây dược liệu khác	800,00	300.000	
6	Cơ sở giết mổ, gia súc gia cầm tập trung	Mường Giàng		5,00	7.000	
7	Dự án trồng rừng sản xuất tại xã Chiềng Ôn, Chiềng khay, Mường Chiên, Mường Giàng, Chiềng Khay	Xã Chiềng Bằng, Chiềng khay, Mường Giôn, Chiềng Khoang, Pá Ma Pha Khinh, Chiềng Ôn	500 con trâu, bò/dự án/xã	180,00	150.000	

8	Dự án đầu tư trồng rừng sản xuất, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chăn nuôi lợn tại xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	Khoảng 65.000 con lợn/lúa (13.000 tấn thịt lợn hơi/năm); Trồng rừng sản xuất, chăm sóc, bảo vệ rừng khoảng 875 ha	975,00	500.000	
9	Dự án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật bảo tồn, phát triển và trồng thâm canh giống Trám đen Phiêng Mụt ( <i>Canarium tramdenum</i> Dai&Ykovl), theo hướng lấy quả tại xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.	Bản Phiêng Mụt, xã Mường Giôn	Nhân giống: 10.000 cây; trồng thâm canh 15 ha	15,00	2.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (09 dự án)</b>				<b>3.650.000</b>	
1	Dự án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, dịch vụ vui chơi, giải trí trên lòng hồ thủy điện Sơn La địa phận huyện Quỳnh Nhai	Mường Giàng, Chiềng Ôn, Pá Ma Pha Khinh, Mường Chiên	Theo quy hoạch	500,00	2.000.000	
2	Dự án phát triển văn hóa du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, văn hóa tại các xã	Mường Giàng, Chiềng Ôn, Nậm É, Mường Sại, Chiềng Bằng, Mường Giôn, Cà Nàng	Theo quy hoạch	50,00	50.000	
3	Dự án khai thác hang động, xây dựng khu nghỉ dưỡng suối nước nóng; du lịch văn hóa, cộng đồng, sinh thái xã Mường Chiên	Mường Chiên	Theo quy hoạch	70,00	500.000	
4	Dự án phát triển khu du lịch sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La	Các đảo trên lòng hồ thủy điện Sơn la	100.000 đến 150.000 khách / năm	1.000,00	100.000	
5	Dự án khu du lịch văn hóa tâm linh	Mường Giàng	Theo quy hoạch	30,00	300.000	

6	Dự án khai thác phát triển du lịch các hang động, đình Khâu Pùm - Chiềng Khay; du lịch văn hóa, cộng đồng, sinh thái gắn với nông nghiệp nông thôn xã Chiềng Khay	Chiềng Khay	Theo quy hoạch	100,00	200.000	
7	Dự án đầu tư khu thương mại dịch vụ, cửa hàng tiện ích tại trung tâm các xã	11 xã trên địa bàn huyện	Theo quy hoạch	11,00	200.000	
8	Dự án xây dựng trung tâm thương mại Quỳnh Nhai	Mường Giàng	Theo quy hoạch	1,00	100.000	
9	Dự án xây dựng và khai thác các bến xe khách, xe buýt tại các xã Mường Giôn, Chiềng Khay, Chiềng Khoang	Mường Giôn, Chiềng Khay, Chiềng Khoang	Theo quy hoạch	Theo quy hoạch	100.000	
10	Xây dựng, khai thác bến thủy nội địa	Mường Chiên, Pá Ma pha khinh, Mường Giàng, Chiềng Bằng, Chiềng Khoang	Theo quy hoạch	Theo quy hoạch	100.000	
*	<b>Lĩnh vực Công nghiệp (02 dự án)</b>				<b>410.000</b>	
1	Dự án xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền tại xã Chiềng Bằng, Mường Giàng	tại xã Chiềng Bằng, Mường Giàng	Theo quy hoạch	5,00	100.000	
2	Dự án Tổ hợp chế biến thủy sản, nông sản, chế biến thức ăn gia súc, thức ăn nuôi thủy sản,	Khu Phiêng Xía, xã Mường Giàng	Nhà máy chế biến nông sản: 7,5 ha; sản lượng: 150.000 tấn/năm; Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản: 05 ha; sản lượng 35.000 tấn/năm; Nhà máy chế biến thủy sản: Diện tích khoảng 05 ha.	17,50	310.000	



*	<b>Lĩnh vực môi trường (02 dự án)</b>				<b>210.000</b>	
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai	Mường Giàng	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải và Lò đốt rác thải sinh hoạt, công suất 80-120 tấn/ngày theo quy hoạch được duyệt	20,00	200.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đô thị	Mường Giàng	xây dựng công trình xử lý liên hoàn nước thải sinh hoạt cho 2000 hộ	1,00	10.000	
*	<b>Lĩnh vực cấp nước (01 dự án)</b>				<b>100.000</b>	
1	Dự án cấp nước sạch nông thôn	11 xã	800-1000 hộ gia đình	Theo quy hoạch	100.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (02 dự án)</b>				<b>700.000</b>	
1	Cụm công nghiệp Chiềng Bằng	Xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai	Theo quy hoạch	30,85 ha	350.000	
2	Cụm công nghiệp Mường Giàng	Xã Mường Giàng	Theo quy hoạch	32 ha	350.000	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (01 dự án)</b>					
1	Dự án phát triển nhà ở thương mại	Thị trấn	Theo quy hoạch	4,00	60.000	
<b>4.8. HUYỆN THUẬN CHÂU</b>						
<b>ST T</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Quy mô</b>	<b>diện tích</b>	<b>dự kiến tổng vốn đầu tư</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Huyện Thuận Châu (28 dự án)</b>				<b>1.500.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực nông nghiệp (08 dự án)</b>				<b>90.000</b>	

1	Nhà máy chế biến quả sơn tra và dược liệu	Chiềng Bôm	Vùng nguyên liệu: Sơn tra 5.100 ha, dược liệu 500 ha; Diện tích khu chế biến: 3 ha; Công suất: 500 tấn/năm	Theo quy hoạch	4.000	
2	Nhà máy chế biến các loại quả	Tông Cọ	Vùng nguyên liệu: 3.500 ha; Diện tích khu chế biến: 3 ha; Công suất: 600 tấn/năm	Theo quy hoạch	4.000	
3	Chăn nuôi thủy sản tập trung	Liệp Tè	Quy mô: 1.000 lồng; 400 tấn/năm	Theo quy hoạch	30.000	
4	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Xã Tông Cọ	10 trâu bò/ngày; 100 con lợn, dê/ngày; 500 con gia cầm/ngày	Theo quy hoạch	8.000	
5	Trồng và chế biến quả mắc ca	Các xã trên địa bàn huyện	Vùng nguyên liệu mắc ca 300ha; diện tích khu chế biến 1 ha; công suất 500- 1000 tấn sản phẩm/năm	Theo quy hoạch	25.000	
6	Sản xuất và phát triển giống thủy sản	Tông Cọ	Quy mô khoảng 1ha	Theo quy hoạch	5.000	
7	Chăn nuôi đại gia súc	6 xã vùng cao	Quy mô > 100 con	Theo quy hoạch	4.000	
8	Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp	Phông Lái, Chiềng Pha	Xây dựng vùng ứng dụng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm	Theo quy hoạch	10.000	
*	<b>Lĩnh vực Công nghiệp (04 dự án)</b>				<b>1.200.000</b>	
1	Nhà máy chế biến sâu cà phê	Huyện Thuận Châu	Nhà đầu tư đề xuất	3-5ha	300.000	

2	Nhà máy chế biến cà phê nhân	Huyện Thuận Châu	30.000 tấn/năm	10 ha	100.000	
3	Nhà máy chế biến sắn	Huyện Thuận Châu	140.000 tấn/năm	10 ha	400.000	
4	Nhà máy chế biến tinh bột sắn	Xã Tông cọ	140.000 tấn/năm	10 ha	400.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (08 dự án)</b>				<b>20.000</b>	
1	Quản thể khu du lịch đèo Pha Đin	Xã Phổng Lái, Mường É	Theo quy hoạch được duyệt	500 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
2	Trung tâm thương mại thị trấn Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	Quy mô hạng III	01 ha	20.000	
3	Xây dựng bản du lịch cộng đồng Ái Khôm	Xã Mường É	Theo quy hoạch được phê duyệt	30 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
4	Khu du lịch khám phá Đèo Pha Đin	Xã Mường É	Theo quy hoạch được phê duyệt	195 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
5	Khu di tích lịch sử quốc gia Đèo Pha Đin	Xã Phổng Lái	Theo quy hoạch được phê duyệt	20 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
6	Khu du lịch tâm linh Đèo Pha Đin	Xã Phổng Lái, Mường É	Theo quy hoạch được phê duyệt	20 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
7	Khu dịch vụ tổng hợp Đèo Pha Đin	Xã Phổng Lái	Theo quy hoạch được phê duyệt	5 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
8	Khu du lịch cộng đồng bản Bay, bản Cang	Xã Phổng Lái	Theo quy hoạch được phê duyệt	175 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
9	Khu du lịch cộng đồng bản Cống Chặp	Xã Phổng Lái	Theo quy hoạch được phê duyệt	35 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (01 dự án)</b>				<b>50.000</b>	
1	Cụm công nghiệp Tông Cọ	Bản Sen To, xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu	Theo quy hoạch được duyệt	38 ha	50.000	

*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (06 dự án)</b>				140.000	
1	Khu dân cư số 1 xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	Theo quy hoạch được duyệt	15 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
2	Khu dân cư số 2 xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	Theo quy hoạch được duyệt	10 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
3	Khu dân cư số 1 xã Chiềng Ly và xã Phổng Lãng	Xã Chiềng Ly, Phổng Lãng	Theo quy hoạch được duyệt	15 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
4	Khu dân cư số 2 xã Chiềng Ly và xã Phổng Lãng	Xã Chiềng Ly, Phổng Lãng	Theo quy hoạch được duyệt	12 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
5	Khu dân cư Tông Lạnh	Xã Tông Lạnh	Theo quy hoạch được duyệt	8,21 ha	140.000	
6	Chỉnh trang đô thị và xây dựng khu dân cư xã Chiềng Ly và thị trấn Thuận Châu	Xã Chiềng Ly	Theo quy hoạch được phê duyệt	16 ha	Nhà đầu tư đề xuất	

#### 4.9. HUYỆN BẮC YÊN

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	diện tích	dự kiến tổng vốn đầu tư	Ghi chú
	<b>Huyện Bắc Yên (15 dự án)</b>				<b>45.500</b>	
*	<b>Lĩnh vực thương mại - Dịch vụ - Du lịch (05 dự án)</b>				<b>20.000</b>	
1	Khu du lịch sinh thái Tà Xùa	Xã Tà Xùa	5.000 lượt khách/năm	Theo quy hoạch	4.000	
2	Khu du lịch đồi Pu Nhi	Xã Phiêng Ban	Theo quy hoạch được duyệt	Theo quy hoạch	4.000	
3	Khu du lịch Hồ Sen Hua Nhàn	Xã Hua Nhàn	Theo quy hoạch được duyệt	Theo quy hoạch	4.000	
4	Điểm du lịch Sóng lưng Khủng long	Xã Háng Đồng	Theo quy hoạch được duyệt	Theo quy hoạch	4.000	
5	Khu du lịch Hang A Phủ	Xã Hồng Ngài	Theo quy hoạch được duyệt	Theo quy hoạch	4.000	

*	Lĩnh vực nông nghiệp (06 dự án)				25.500	
1	Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chè Shan tuyết đặc sản Tà Xùa	Xã Tà Xùa	Công suất: 300 tấn/năm	Diện tích vùng nguyên liệu: 250 ha Nhà xưởng chế biến: 0,8 ha	4.000	
2	Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm quả mận hậu	Thị trấn Bắc Yên	Công suất: 500 tấn/năm	Diện tích vùng nguyên liệu: 320 ha Nhà xưởng chế biến: 01 ha	3.000	
3	Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi bò thịt tập trung	Xã Phiêng Ban, xã Phiêng Côn	Quy mô > 100 con	Theo quy hoạch	3.000	
4	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Thị trấn Bắc Yên	Quy mô: >20 con đại gia súc/ngày đêm; lợn, dê > 100 con/ngày đêm; 500 con gia cầm/ngày đêm	Theo quy hoạch	4.000	
5	Dự án trồng và chế biến cây dược liệu dưới tán rừng	các xã: Hang Chú, Xím Vàng, Làng Chếu, Tà Xùa, Háng Đồng, Hua Nhàn	300 ha	450 ha	10.000	

6	Dự án phát triển vùng nguyên liệu, chế biến cây lấy gỗ, tre măng	Các xã	Theo quy hoạch được phê duyệt	2.000 ha	1.500	
*	<b>Lĩnh vực cấp nước (01 dự án)</b>					
1	Dự án cấp nước đô thị thị trấn Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	6.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	4 ha	30	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (01 dự án)</b>					
1	Cụm công nghiệp Phiêng Ban	Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên		20 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (02 dự án)</b>					
1	Khu dân cư mới thị trấn Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	2.900 người	18,80 ha	573.000	
2	Khu dân cư mới (nhà khách UBND huyện cũ)	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	Theo quy hoạch được duyệt	0,23 ha	Nhà đầu tư đề xuất	

#### 4.10. HUYỆN SÔNG MÃ

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	diện tích	dự kiến tổng vốn đầu tư	Ghi chú
	<b>Huyện Sông Mã (12 dự án)</b>				<b>397.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực nông nghiệp (04 dự án)</b>				<b>62.000</b>	
1	Dự án phát triển rau an toàn	Trên địa bàn huyện	100 tấn/năm	10	5.000	
2	Dự án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm	Trên địa bàn huyện	3.000 con	100	5.000	
3	Mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng theo hương VietGAP	19 xã, thị trấn	20.000 con	10	2.000	
4	Dự án phát triển vùng nguyên liệu sản xuất, chế biến Quế tại huyện Sông Mã	20 xã, thị trấn	5.000 ha	5.000 ha	50.000	
*	<b>Lĩnh vực Giáo dục (01 dự án)</b>				<b>15.000</b>	

1	Trường Mầm non tư thục	Khu 9 thị trấn Sông Mã	Nhà lớp học 02 tầng, 12 phòng học (300 học sinh)	0,37	15.000	
*	<b>Lĩnh vực Công nghiệp (03 dự án)</b>				<b>150.000</b>	
1	Nhà máy chế biến các sản phẩm phụ để phục vụ chăn nuôi gia súc từ các loại vỏ chanh leo, bã mía, cây ngô, vỏ cà phê...	Trên địa bàn huyện	40 tấn nguyên liệu/ca	3	50.000	
2	Nhà máy chế biến gỗ từ nguyên liệu rừng trồng	Trên địa bàn huyện	3.000 m3/tháng	1	50.000	
3	Nhà máy chế biến cà phê nhân	huyện Sông Mã	Nhà đầu tư đề xuất	1-2ha	50.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (03 dự án)</b>				<b>170.000</b>	
1	Trung tâm thương mại dịch vụ khu đô thị Quyết Tiến	Bản Quyết Tiến xã Nà Nghịu	1,6	1,6	90.000	
2	Trung tâm thương mại dịch vụ khu đô thị Na Nghịu.	Bản Nà Nghịu I, II xã Nà Nghịu	0,2	0,2	15.000	
3	Trung tâm thương mại dịch vụ khu đô thị Hưng Mai (Khu đất DVH1 tiếp giáp đường 21 m)	Xã Nà Nghịu	Theo quy hoạch được duyệt	0,5 ha	65.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp</b>					
1	Cụm công nghiệp Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã		50 ha	Nhà đầu tư đề xuất	
<b>4.11. HUYỆN SÓP CỘP</b>						
<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Quy mô</b>	<b>diện tích</b>	<b>dự kiến tổng vốn đầu tư</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Huyện Sốp Cộp (12 dự án)</b>				<b>243.500</b>	
*	<b>Lĩnh vực nông nghiệp (11 dự án)</b>				<b>208.500</b>	

1	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, sản dược liệu	bản Mường Và, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Chế biến, bảo quản nông, lâm sản, dược liệu thuộc các xã Mường Lạn, Mường Và và các xã lân cận; tạo công ăn việc làm thường xuyên cho trên 50 nhân công	2 ha	6.500	
2	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, dược liệu	Xã Nậm Lạnh, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	25.000 tấn/năm	3 ha	30.000	
3	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm sản, dược liệu	Bản Hin Cáp, xã Mường và, huyện Sốp Cộp	5.000 tấn/năm	2 ha	4.000	
4	Dự án trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu	Bản Mường Và, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	30 tấn/năm	150 ha	10.000	
5	Dự án trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu	Bản Nà Nghè, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	20 tấn/năm	150 ha	8.000	
6	Dự án trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu: Trồng cây Hoàng tinh; Lan bạch Cặp	Xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	30 tấn/năm	200 ha	30.000	
7	Dự án trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu: Cây xa nhân xanh; xa nhân tím; Sâm bố chính; đảng sâm; Hà thủ ô; Ba kích...	Xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	50 tấn/năm	200 ha	30.000	
8	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, dược liệu	Bản Pật, xã Dồm Cang, huyện Sốp Cộp	20.000 tấn/năm	10ha	25.000	
9	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, dược liệu	Bản Sốp Nậm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	15.000 tấn/năm	5ha	20.000	
10	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, dược liệu	Bản Sốp Nậm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	18.000 tấn/năm	8ha	25.000	



11	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm, dược liệu	Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	15.000 tấn/năm	5ha	20.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại-Dịch vụ - Du lịch (01 dự án)</b>				<b>35.000</b>	
1	Điểm du lịch di tích tháp Mường Và và kết hợp phát triển du lịch cộng đồng bản Mường Và	Xã Mường Và	Xây dựng phát triển khu du lịch cộng đồng bản Mường Và; tu bổ, tôn tạo thêm hạng mục tháp Mường Và để phát triển du lịch huyện	Theo quy hoạch	35.000	
<b>4.12. HUYỆN PHÙ YÊN</b>						
<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Quy mô</b>	<b>diện tích</b>	<b>dự kiến tổng vốn đầu tư</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Huyện Phù Yên (35 dự án)</b>				<b>3.045.000</b>	
*	<b>Lĩnh vực nông nghiệp (13 dự án)</b>				<b>258.000</b>	
1	Dự án trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc	Các xã trên địa bàn huyện	Theo định mức trồng từng loại cây, sản lượng tính theo chu kỳ sản xuất khai thác	5.000 ha	38.000	
2	Trồng cây dược liệu các loại (cây An Xoa, đinh lăng, ba kích, cỏ ngọt, diệp hạ châu, hà thủ ô, thổ phục linh, gừng, xả, ớt....)	Các xã	100 tấn/ năm	200 ha	18.000	
3	Dự án đầu tư sản xuất gạo hữu cơ	Các xã vùng trọng điểm lúa	Sản lượng 6.000 tấn/năm	1.000 ha	7.000	
4	Dự án nhà màng, nhà lưới áp dụng tưới nhỏ giọt	Các xã	15-17 tấn quả/ năm	01 ha	5.000	
5	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Huy Bắc, Thị trấn	30 trâu bò/ngày; 200 con lợn, dê/ngày; 1.500 con gia cầm/ngày	Theo quy hoạch	12.000	

6	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Gia Phù	30 trâu bò/ngày; 200 con lợn, dê/ngày; 1.500 con gia cầm/ngày	0,5 ha	9.000	
7	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Mường Cơi	20 trâu bò/ngày; 100 con lợn, dê/ngày; 500 con gia cầm/ngày	0,5 ha	9.000	
8	Dự án xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản cây dược liệu, cây gai xanh và sản phẩm nông sản	Gia phù, Tân lang, Huy Tân	5.000 tấn	3ha	50.000	
9	Dự án Phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh	Các xã	3.500 tấn	1500ha	40.000	
10	Xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản	Huy tân, Huy bắc	25.000 tấn	1,5ha	40.000	
11	Cơ sở chế biến thủy sản	Tân Phong	1.500 tấn	0,5ha	30.000	
12	Xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất hoặc chế biến thức ăn chăn nuôi đại gia súc và gia súc.	Xã Gia Phù	200 tấn sp/năm	15 ha	300.000	
13	Xưởng sơ chế, chế biến rau, củ, quả; kho lạnh bảo quản nông sản	Xã Huy Hạ	200m <sup>2</sup> xưởng sơ chế, chế biến rau, củ, quả; 40m <sup>3</sup> kho lạnh bảo quản nông sản;	0,5 ha	1.000	
*	<b>Lĩnh vực Công nghiệp (03 dự án)</b>				<b>580.000</b>	
1	Nhà máy sản xuất và chế biến thịt lợn xuất khẩu	Trên địa bàn huyện	500 tấn	02 ha	80.000	
2	Xí nghiệp giấy da	Trên địa bàn huyện	1.000 tấn/ năm	20 ha	100.000	
3	Nhà máy sản xuất chè công nghệ cao	Trên địa bàn huyện	4.000 tấn/năm	10 ha	400.000	
*	<b>Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Du lịch (06 dự án)</b>				<b>745.000</b>	

1	Du lịch khu di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp, rừng bản Nhọt xã Gia Phù, huyện Phù Yên	Xã Gia phù	Khu vực di tích và khu vực rừng tự nhiên bản Nhọt 5.000 lượt khách / năm	300 ha	200.000	
2	Trung tâm thương mại Phù Yên	Trung tâm huyện	Hạng 3	0,34 ha	100.000	
3	Du lịch Suối Chiều xã Mường Thái, huyện Phù Yên	Xã Mường Thái	3.000 lượt khách/năm	11 ha	200.000	
4	Du lịch đồi thông nông Cốp	Quang Huy	15.000 lượt khách/năm	11 ha	200.000	
5	Bến xe khách huyện Phù Yên	Xã Huy Hạ	Xây dựng bến xe đạt loại 3	0,1 ha	45.000	
6	Đầu tư điểm Du lịch Khám phá, trải nghiệm bản Trò, bản Lũng Khoai, bản Suối Khang xã Suối Tọ	Xã Suối Tọ	Theo quy hoạch được phê duyệt	300 ha	500.000	
*	<b>Lĩnh vực cấp nước (01 dự án)</b>				<b>23.000</b>	
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước đô thị Gia Phù	Xã Gia Phù, huyện Phù Yên	1,100m3/ngày	Theo quy hoạch	23.000	
*	<b>Lĩnh vực Môi trường (01 dự án)</b>				<b>250.000</b>	
1	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt; tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Huyện Phù Yên	Xử lý rác từ 120 tấn/ngày trở lên	20 ha	250.000	
*	<b>Lĩnh vực Giáo dục (03 dự án)</b>				<b>210.000</b>	
1	Trường Mầm Non Tư thục Vương Quốc Trẻ	Thị trấn Phù Yên	300 học sinh	1480m2	30.000	
2	Trường TH, THCS, THPT chất lượng cao Bình Minh Phù Yên	Thị trấn Phù Yên	53 phòng học, 1.185 học sinh	11896,5m2	180.000	
3	Dự án trường TH, THCS chất lượng cao tại xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Huy Bắc	Theo quy hoạch được phê duyệt	9,2 ha	195.000	
*	<b>Khu công nghiệp, cụm công nghiệp (02 dự án)</b>				<b>60.000</b>	
1	Cụm công nghiệp Huy Tân	Xã Huy Tân, huyện Phù Yên	Theo quy hoạch được phê duyệt	20 ha	35.000	

2	Cụm công nghiệp Tân Lang	Xã Tân Lang, huyện Phù Yên	Theo quy hoạch được phê duyệt	15 ha	25.000	
*	<b>Nhà ở thương mại, Khu dân cư, khu đô thị (06 dự án)</b>				<b>919.000</b>	
1	Khu dân cư mới Phù Hoa	huyện Phù Yên	Theo quy hoạch được duyệt	9,9 ha	239.000	
2	Dự án khu dân cư phía Tây thị trấn Phù Yên	Xã Huy bắc	1.600-2.000 người	12 ha	300.000	
3	Dự án phát triển khu ở, khu dân cư xã Huy hạ huyện Phù Yên	Xã Huy hạ	600- 800 người	03 ha	60.000	
4	Dự án Khu dân cư phía Đông thị trấn Phù Yên;	Xã Quang Huy	1.200-1.500 người	10 ha	230.000	
5	Dự án phát triển khu ở giá rẻ cho công nhân tại xã Gia Phù	Xã Gia Phù	1600-2000 người	5ha	90.000	
6	Dự án nhà ở thương mại xã Gia Phù	Xã Gia Phù	Theo quy hoạch được phê duyệt	5 - 10 ha	200.000	

**Biểu số 05**  
**DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Sơn La)*

<b>TT</b>	<b>Danh mục đầu tư</b>	<b>Kinh phí (tỷ đồng)</b>	<b>Nguồn vốn</b>
<b>A</b>	<b>Vốn trong nước</b>		
<b>I</b>	<b>Quốc phòng</b>		
1	Dự án đầu tư xây dựng cửa khẩu chính Sóng Lập, tỉnh Sơn La thành cửa khẩu quốc tế	48,479	Ngân sách trung ương
<b>II</b>	<b>Giáo dục, đào tạo</b>		
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tô Hiệu, TP Sơn La	47,394	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
2	Trường THPT Mường Giôn	61,213	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
3	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho trường PTDT nội trú tỉnh	45	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>III</b>	<b>Y tế</b>		
1	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La	1.543	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
2	Bệnh viện đa khoa Mường La	70	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>IV</b>	<b>Khu Công nghiệp và Khu kinh tế</b>		
1	Khu công nghiệp Mai Sơn	285,504	Ngân sách trung ương
<b>V</b>	<b>Giao thông</b>		
1	Đường nối đến điểm TĐC Đoàn Kết	7,969	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
2	Đường giao thông TĐC Tân Lập	9,059	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
3	Đường Tiên Xa – Điểm TĐC Co Trai	6,943	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
4	Đường giao thông từ QL 4G đến điểm TĐC C5	9,275	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
5	Đường GT từ TT xã Chiềng Sơn- điểm TĐC Co Phương	28,401	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
6	Đường Tạ Bú, huyện Mường La- Liệp Tè, huyện Thuận Châu	151,754	Ngân sách địa phương (Tỉnh)

7	Đường giao thông Bó Mười, huyện Mường La- Liệp Tè, huyện Thuận Châu	84,838	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
8	Đường TL.107-Chiềng Ngâm-Chiềng Khoang-Liệp Muội-Mường Sại	92,917	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
9	Đường QL.279	84,779	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
10	Đường TL 106	40,27	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
11	Đường từ QL279- xã Cà Nàng	107,618	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
12	Đường QL43-TT xã Tà Lại	23,314	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
13	Đường TL107	5,934	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
14	Đường QL6 đi qau Hua Tát	6,647	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
15	Đường QL6 –TTHC huyện Vân Hồ	341.877	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
16	Nâng cấp đường GT đối nội QL37	857,8	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
17	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 113	126	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
18	Cải tạo, nâng cấp ĐT 103 km5-km32	130	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
19	Đường tỉnh 112	140	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
20	Đường trục chính đô thị-nội thị Mộc Châu	600	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>VI</b>	<b>Xã hội</b>		
1	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	60	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>VII</b>	<b>Cấp điện</b>		
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia	842,284	Ngân sách trung ương
2	Tiêu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia	420	Ngân sách trung ương
<b>VIII</b>	<b>Cấp nước</b>		
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 (bao gồm các dự án cấp nước sinh hoạt TĐC và các điểm sinh hoạt tái định cư)	381,89	Ngân sách địa phương (Tỉnh)
<b>B</b>	<b>Vốn nước ngoài</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo dục</b>		

1	Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất GD2	59,622	ADB
<b>II</b>	<b>Y tế</b>		
1	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	267,987	WB
<b>III</b>	<b>Thông tin</b>		
1	Mở rộng vùng phủ sóng truyền hình và nâng cao năng lực làm tin thời sự cho Đài phát thanh truyền hình Sơn La	157,679	DANIDA
<b>IV</b>	<b>Cấp nước</b>		
1	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra	252,071	WB
2	Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La	922,42	Đức